

Số: 4548 /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt bổ sung Quy hoạch thủy điện nhỏ tỉnh Quảng Ngãi

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ các Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 và Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 43/2012/TT-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2012 của Bộ Công Thương Quy định về quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng dự án thủy điện và vận hành khai thác công trình thủy điện;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Quảng Ngãi tại Văn bản số 5556/UBND-CNXD ngày 13 tháng 9 năm 2018 về việc bổ sung quy hoạch Dự án thủy điện Trà Khúc 2 (Dự án) vào Quy hoạch thủy điện nhỏ tỉnh Quảng Ngãi, kèm theo Hồ sơ bổ sung quy hoạch Dự án thủy điện Trà Khúc 2 do Công ty cổ phần Tư vấn và Đầu tư xây dựng Thủy điện (Cơ quan tư vấn) lập tháng 7 năm 2018;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung Dự án thủy điện Trà Khúc 2 vào Quy hoạch thủy điện nhỏ tỉnh Quảng Ngãi với các nội dung chính như sau:

- Vị trí xây dựng công trình: Trên sông Trà Khúc thuộc địa bàn các xã Sơn Thành, Sơn Giang và xã Sơn Linh huyện Sơn Hà tỉnh Quảng Ngãi. Toạ độ kiến xây dựng tại 15°04'20" Vĩ độ Bắc, 108°33'55" Kinh độ Đông.

- Nhiệm vụ và sơ đồ khai thác của dự án: Dự án có nhiệm vụ chính là phát điện lên lưới điện quốc gia. Sơ đồ khai thác gồm: Đập dâng kết hợp đập tràn xả lũ trên dòng chính sông Trà Khúc và nhà máy thủy điện ngang đập xả nước trở lại sông Trà Khúc.

- Các thông số chính của dự án: Diện tích tự nhiên lưu vực tính đến tuyến đập $F_{lv} = 2.653 \text{ km}^2$, mực nước dâng bình thường $MNDBT = 32 \text{ m}$, mực nước chết $MNC = 32 \text{ m}$, mực nước hạ lưu nhà máy nhỏ nhất $MNHL_{\min} = 19,5 \text{ m}$, công suất lắp máy $N_{lm} = 30 \text{ MW}$ và điện lượng bình quân năm $E_o = 120,51$ triệu kWh.

Điều 2. Việc đầu tư xây dựng Dự án thủy điện Trà Khúc 2 phải đảm bảo phù hợp với các quy hoạch, kế hoạch: phát triển kinh tế - xã hội, sử dụng đất, sử dụng tài nguyên nước, phát triển điện lực... tuân thủ các quy định hiện hành về đầu tư, xây dựng, đất đai, tài nguyên nước, bảo vệ và phát triển rừng, bảo vệ môi trường và các quy định có liên quan khác.

Điều 3. Trong các giai đoạn tiếp theo về đầu tư xây dựng công trình, UBND tỉnh Quảng Ngãi chỉ đạo chủ đầu tư, đơn vị Tư vấn và các cơ quan liên quan thực hiện các nội dung sau:

- Hoàn thiện điều tra, khảo sát bổ sung, đánh giá đầy đủ các điều kiện tự nhiên khu vực dự án (địa hình, địa chất, khí tượng, thủy văn, dân sinh, kinh tế - xã hội...);

- Tiếp tục nghiên cứu chuẩn xác quy mô mực nước của hồ chứa, phương án thiết kế các hạng mục công trình có liên quan nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, đảm bảo công trình vận hành an toàn ổn định và giảm thiểu tác động tiêu cực đối với môi trường - xã hội;

- Đánh giá và thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực của dự án đối với môi trường - xã hội. Trong đó, phải lập và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện các phương án về: trồng rừng thay thế, đền bù, đảm bảo duy trì dòng chảy tối thiểu phía hạ lưu đập;

- Phối hợp chặt chẽ với Chủ đầu tư Dự án thủy điện liên kề phía thượng lưu (Dự án thủy điện Trà Khúc 1) để nghiên cứu kỹ phương án tiết kế quy mô tràn xả lũ của Dự án thủy điện Trà Khúc 2 (theo hướng tăng khả năng xả) trên cơ sở đảm bảo công trình vận hành an toàn, giảm tối đa mức độ ngập lụt phía thượng lưu trong mọi trường hợp (đặc biệt là trường hợp xảy ra lũ tương ứng với tần suất kiểm tra và thiết kế); để có phương án thi công, vận hành

- Chuẩn xác quan hệ mực nước và lưu lượng hạ lưu nhà máy, mực nước dâng hồ chứa trong các trường hợp vận hành và xả lũ, chuẩn xác hệ thống cao độ, tọa độ của thủy điện Trà Khúc 2 đảm bảo đồng bộ với hệ thống cao độ, tọa độ của các bậc thang thủy điện phía thượng - hạ lưu.

- Trong quá trình xây dựng, vận hành khai thác công trình phải đảm bảo không ảnh hưởng đến các bậc thang thủy điện liên kề, các công trình hạ tầng, giao thông, thủy lợi và các quy hoạch khác có liên quan trong khu vực;

- Thực hiện các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng theo Luật Xây dựng, các Nghị định của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn của Bộ Xây dựng;

- Tiến độ thực hiện Dự án phải phù hợp với tiến độ xây dựng lưới điện truyền tải trong khu vực.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Điện lực và Năng lượng tái tạo, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi, Giám đốc Sở Công Thương tỉnh Quảng Ngãi, Tổng giám đốc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Chủ đầu tư dự án và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Thứ trưởng Hoàng Quốc Vượng;
- Lưu: VT, ĐL.



Trần Tuấn Anh



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 4300822960

Đăng ký lần đầu: ngày 14 tháng 08 năm 2018

Đăng ký thay đổi lần thứ: 8, ngày 04 tháng 12 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN TRÀ KHÚC 2**

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Ngã 3 Hà Thành, Xã Sơn Thành, Huyện Sơn Hà, Tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam

Điện thoại: 0962166779

Fax:

Email: trakhuc2hpp@ree-energy.vn

Website:

3. Vốn điều lệ: 357.590.000.000 đồng.

Bằng chữ: Ba trăm năm mươi bảy tỷ năm trăm chín mươi triệu đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 35.759.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: **NGUYỄN TRƯỜNG SƠN**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: **Giám đốc**

Sinh ngày: *21/04/1984* Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Cán cước*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *052084013553*

Ngày cấp: *09/08/2024* Nơi cấp: *Bộ Công an*

Địa chỉ thường trú: *08 Lê Văn Chân, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *08 Lê Văn Chân, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam*

**CÔNG TY CỔ
PHẦN THỦY
ĐIỆN TRÀ
KHÚC 2**

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN TRÀ KHÚC 2
DN: C=VN, L=TỈNH QUẢNG NGÃI, CN=
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN TRÀ KHÚC
2, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:4300822960, E=DUYNT019@
GMAIL.COM
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2025.02.24 09:26:25+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 2023.3.0

TRƯỞNG PHÒNG

Ngô Anh

Số: 878/TĐ-SCT

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 5 năm 2020

V/v thông báo kết quả thẩm
định thiết kế cơ sở công trình
thủy điện Trà Khúc 2

Kính gửi: Công ty Cổ phần thủy điện Trà Khúc 2

Ngày 27/4/2020, thông qua Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi, Sở Công Thương nhận Tờ trình số 15/2020/TK2 ngày 22/4/2020 của Công ty Cổ phần thủy điện Trà Khúc 2 về thẩm định thiết kế cơ sở dự án thủy điện Trà Khúc 2 (kèm theo hồ sơ thiết kế cơ sở dự án).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 07/2019/TT-BXD ngày 07/11/2019 của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung, thay thế một số quy định tại Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 quy định phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư 43/2012/TT-BCT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng dự án thủy điện và vận hành khai thác công trình thủy điện;

Căn cứ Quyết định số 4548/QĐ-BCT ngày 07/12/2018 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt bổ sung Quy hoạch thủy điện nhỏ tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 21/01/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, Quyết định chủ trương đầu tư dự án thủy điện Trà Khúc 2.

Căn cứ Báo cáo kết quả Tư vấn thẩm tra (Công ty CP Tư vấn xây dựng điện và Môi trường Quốc tế) xem xét, thống nhất và báo cáo kết quả thẩm tra công trình thủy điện Trà Khúc 2 vào tháng 4/2020;

Căn cứ Biên bản cuộc họp thẩm định thiết kế cơ sở công trình thủy điện Trà Khúc 2 ngày 15/5/2020;

Căn cứ các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Sau khi xem xét hồ sơ, Sở Công Thương thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở dự án Trà Khúc 2 như sau:

I. Thông tin chung về dự án

1. Tên dự án: Thủy điện Trà Khúc 2.
2. Nhóm dự án, loại, cấp, quy mô công trình: Công trình công nghiệp thuộc nhóm B, cấp thiết kế công trình theo QCVN 04-05:2012/BNNT là cấp II.
3. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần thủy điện Trà Khúc 2.
4. Địa điểm xây dựng: xã Sơn Thành, Sơn Giang và xã Sơn Linh huyện Sơn Hà tỉnh Quảng Ngãi.
5. Giá trị tổng mức đầu tư: 1.295.855.000.000 đồng.
6. Nguồn vốn đầu tư: Vốn chủ sở hữu 30%, vốn vay tín dụng 70%.
7. Thời gian thực hiện: thi công Quý I/2021, hoàn thành Quý IV/2023.
8. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
Tư vấn thiết kế đã sử dụng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 04-05:2012/BNNT Công trình thủy lợi-Các quy định chủ yếu về thiết kế và các tiêu chuẩn liên quan khác.
9. Nhà thầu lập thiết kế TKCS: Công ty CP Tư vấn và Đầu tư XD Thủy điện.

II. Hồ sơ dự án trình thẩm định

1. Văn bản pháp lý:
 - Công văn số 6818/UBND-CNXD ngày 03/11/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc nghiên cứu, khảo sát lập hồ sơ đề xuất đầu tư dự án thủy điện Trà Khúc 2, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi.
 - Thông báo số 243/TB-UBND ngày 16/8/2018 của Lãnh đạo UBND tỉnh Quảng Ngãi tại cuộc họp cho ý kiến về dự án thủy điện Trà Khúc 2, huyện Sơn Hà.
 - Thông báo Kết luận số 665-KL/HU ngày 23/8/2018 của Ban Thường vụ Huyện ủy Sơn Hà.
 - Công văn số 1261/UBND ngày 19/9/2018 của UBND huyện Sơn Hà về việc ý kiến bổ sung quy hoạch dự án thủy điện Trà Khúc 2.
 - Thông báo Kết luận số 754-KL/TU ngày 11/9/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc bổ sung dự án Nhà máy thủy điện Trà Khúc 2 vào quy hoạch thủy điện nhỏ tỉnh Quảng Ngãi.
 - Công văn số 5556/UBND-CNXD ngày 13/9/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc bổ sung dự án thủy điện Trà Khúc 2 vào quy hoạch thủy điện nhỏ tỉnh Quảng Ngãi.
 - Quyết định số 4548/QĐ-BCT ngày 07/12/2018 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt bổ sung Quy hoạch thủy điện nhỏ tỉnh Quảng Ngãi.
 - Công văn số 5133/UBND-CNXD ngày 27/8/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về chủ đầu tư dự án thủy điện Trà Khúc 2, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi.
2. Hồ sơ, tài liệu trình thẩm định:

- Hồ sơ khảo sát bao gồm: Báo cáo khảo sát địa chất công trình; Báo cáo khảo sát địa hình.

- Hồ sơ nghiên cứu khả thi:

+ Tập 1: Thuyết minh tóm tắt thiết kế;

+ Tập 2: Thuyết minh thiết kế;

+ Tập 3.1: Thuyết minh và phụ lục tính toán khí tượng thủy văn;

+ Tập 4: Thuyết minh và phụ lục tính toán thủy năng kinh tế - năng lượng.

- Hồ sơ thiết kế cơ sở bao gồm:

+ Tập 1: Thuyết minh thiết kế cơ sở;

+ Tập 2: Phụ lục tính toán;

+ Tập 3.1: Các bản vẽ thiết kế cơ sở.

- Báo cáo chuyên ngành:

+ Tập: Tính toán bồi lắng nước dâng hồ chứa;

+ Tập: Hệ thống phòng cháy chữa cháy.

3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu: Công ty CP Tư vấn và Đầu tư XD Thủy điện (Tư vấn thiết kế), Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng 23 (Tư vấn Khảo sát địa chất, địa hình) và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây Dựng Điện và Môi Trường Quốc Tế (Tư vấn Thẩm tra).

III. Nội dung hồ sơ dự án trình thẩm định

1. Quy mô xây dựng, các thông số kỹ thuật chủ yếu của dự án:

- Vị trí xây dựng công trình: Dự án Thủy điện Trà Khúc 2 có công suất 30MW xây dựng trên sông Trà Khúc tại địa bàn các xã Sơn Thành, Sơn Giang và xã Sơn Linh huyện Sơn Hà tỉnh Quảng Ngãi. Tọa độ địa lý công trình tại: $15^{\circ}04'20''$ vĩ độ Bắc, $108^{\circ}33'55''$ kinh độ Đông;

- Nhiệm vụ công trình: Dự án thủy điện Trà Khúc 2 có nhiệm vụ chính là phát điện năng lên lưới Quốc gia với công suất lắp máy 30MW, điện lượng trung bình năm 122,48 triệu kWh sẽ là nguồn năng lượng đáng kể cung cấp cho hệ thống điện Quốc gia nói chung và hệ thống nguồn – lưới điện của tỉnh Quảng Ngãi nói riêng;

- Quy chuẩn thiết kế chủ yếu cho công trình thủy điện Trà Khúc 2 là Quy chuẩn Quốc Gia QCVN 04 - 05 : 2012/BNNPTNT Công trình thủy lợi, các quy định chủ yếu về thiết kế và Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 03:2012/BXD về nguyên tắc phân loại, phân cấp công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị.

- Thông số kỹ thuật chính và Quy mô công trình chính của dự án: Diện tích lưu vực $F_{lv} = 2653 \text{ km}^2$, lưu lượng bình quân năm $Q_0 = 200 \text{ m}^3/\text{s}$, mực nước dâng bình thường $MN_{DBT} = 32 \text{ m}$, mực nước chết $MNC = 30,5 \text{ m}$, mực nước hạ lưu nhà máy nhỏ nhất $MN_{HLmin} = 19,97 \text{ m}$, công suất lắp máy $N_{lm} = 30 \text{ MW}$ và điện lượng trung bình năm $E_0 = 122,48 \text{ triệu kWh}$ (thông số chi tiết Như Phụ lục kèm theo).

2. Các giải pháp thiết kế chủ yếu

2.1. Công trình đầu mối

Bao gồm đập tràn đỉnh rộng có cửa van ở lòng sông gồm 18 khoang trong đó: 2 khoang tràn kích thước $B_1 \times H_1 = 15 \times 11\text{m}$, 10 khoang tràn kích thước $B_2 \times H_2 = 15 \times 8\text{m}$ và 6 khoang tràn kích thước $B_3 \times H_3 = 15 \times 7\text{m}$, phần bê tông nổi đập tràn với bờ phải có cao độ 34,0m, dài 29,92m. Hình thức tiêu năng của tràn cửa van là tiêu năng đáy trong bể tiêu năng, cửa van vận hành kiểu cửa van phẳng được nâng hạ bằng tời, cửa van sửa chữa được nâng hạ bằng Pa lăng điện gắn vào khung nhà tời. Nhà tời đập tràn được thiết kế bằng hệ thống khung thép định hình đặt trên trụ pin và trụ biên.

*** Đập tràn cửa van**

Mặt tràn được thiết kế theo mặt cắt tràn đỉnh rộng, tiêu năng theo hình thức tiêu năng đáy bê ở hạ lưu. Các thông số đập tràn cửa van như sau:

Đập tràn		
- Dạng đập tràn.		Tràn cửa van
- Hình thức mặt tràn		Tràn đỉnh rộng
- Kết cấu		BTCT
- Chiều dài đập tràn theo đỉnh	m	309,5
- Cao trình ngưỡng tràn	m	21/24/25
- Cao trình đỉnh tràn	m	43,6
- Chiều cao lớn nhất (kể từ đáy tràn)	m	35,15/23,10/21,10
- Kích thước và số khoang tràn ($n \times B \times H$)	m	$(2 \times 15 \times 11) / (10 \times 15 \times 8) / (6 \times 15 \times 7)$

Mặt tràn được thiết kế theo dạng đập tràn đỉnh rộng bao gồm 3 phần, phần đầu vào cung tròn bán kính $R=1,0\text{m}$, phần tiếp theo nằm ngang ở cao độ 21m (24m hay 25m) phần cuối cùng là đoạn thẳng nằm nghiêng nối tiếp giữa phần 2 và hạ lưu ở cao độ 19,5m (22,5m hay 23,5m) được nối bởi cung tròn bán kính $R=5\text{m}$, bê tông mặt tràn là M250R28, mặt cong đập tràn sau khi hoàn thiện được mài nhẵn đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật mặt F3 (yêu cầu hoàn thiện cấp đặc biệt).

Hầu hết nền đập tràn cửa van được đặt trên lớp đá IIA, 1 phần đập bên vai phải (phạm vi được chỉ ra trong bản vẽ) được đặt trên lớp đá IB phong hóa mạnh. Để chống thấm qua nền đập tại các khu vực này nhằm đảm bảo ổn định thấm ở nền, giảm áp lực thấm dưới đáy đập, đã thiết kế màn chống thấm bằng khoan phụt xi măng ở nền đập. Tim và chiều sâu hàng khoan phụt được chỉ ra trong bản vẽ, khoảng cách các lỗ khoan là 2m.

Ngoài ra phần đáy đập đặt trên đới IB cần được khoan phụt gia cố với chiều sâu lỗ khoan 5m. Khoảng cách các lỗ khoan 3m, đường kính lỗ khoan $\Phi 76$, Phần nền đập đặt trên đá IIA không cần khoan phụt gia cố nền.

Gia cố chống xói lở nối tiếp giữa tràn và hạ lưu bố trí tấm bê tông gia cố M200R28 dày trung bình 0,5 m rộng 3m và dài theo chiều dài các khoang tràn, có khoan neo thép $\Phi 25$ $a=2 \times 2\text{m}$, $L=3\text{m}$, trên tấm bê tông có bố trí các ống thoát nước giảm áp lực thấm.

*** Đỉnh đập:** Đỉnh đập tràn có chiều rộng tổng thể 11,7 m theo trụ pin, trên đó được bố trí 4 dầm cầu giao thông và mặt cầu giao thông tràn rộng 5,6m với nhiệm vụ chủ yếu phục vụ lắp đặt và vận hành tràn. Cầu giao thông được thiết kế

bằng 4 dầm bê tông cốt thép đúc sẵn M300 tiết diện cắt ngang hình chữ T kích thước $L \times B_1 \times B_2 \times H = 16,1 \times 0,3 \times 1,39 \times 1,2$ m, cầu được thiết kế đáp ứng các xe có tải trọng lớn phục vụ lắp đặt và vận hành tràn. Trên mặt dầm đổ lớp bê tông M300 tạo mặt cầu giao thông và thoát nước. Trên đỉnh đập bố trí lề đi bộ và các lan can thượng lưu, hạ lưu, nhằm đảm bảo an toàn cho người lúc thi công và vận hành.

* Trụ pin đập tràn: Trụ pin đập tràn bố trí 1 trụ đơn chiều dày 2,5m cho 2 khoang tràn có cao độ ngưỡng tràn 21m bên vai trái sát cửa lấy nước, 9 trụ đơn chiều dày 2m cho 10 khoang tràn kế tiếp có cao độ ngưỡng tràn 24m, 5 trụ đơn chiều dày 2m cho 6 khoang tràn còn lại có cao độ ngưỡng tràn bằng 25m. Tất cả các trụ pin đều bằng bê tông M250R28 riêng những phần bê tông pha 2 (đổ sau nếu có) phải dùng bê tông M300R28, trụ có cấu tạo đầu vào hình mũi thuyền, đầu ra theo hình lượn cong để giảm hệ số co hẹp dòng chảy, gờ dầm cầu giao thông đặt trên đỉnh trụ pin. Trong trụ pin bố trí khe van sửa chữa ở thượng lưu, khe van vận hành ở hạ lưu. Bề mặt trụ pin được hoàn thiện đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật mặt F3 (yêu cầu hoàn thiện cấp đặc biệt). Phía hạ lưu đỉnh trụ pin bố trí cột đỡ nhà tời bằng khung thép đỡ máy tời nâng hạ cửa van vận hành.

* Trụ biên: Trụ biên đập tràn bố trí hai đầu tràn phần tiếp giáp với bờ phải và cửa lấy nước ở trái tràn, chiều dày đỉnh 1,5 m và 2,0m bằng bê tông M250R28 riêng phần bê tông pha 2 (đổ sau nếu có) dùng BT M300R28, trụ có cấu tạo mép trong lượn cong để giảm hệ số co hẹp dòng chảy, tương tự như trụ pin trên đỉnh trụ biên có bố trí mố dầm cầu giao thông. Trong trụ biên có bố trí khe van sửa chữa ở thượng lưu, khe van vận hành ở hạ lưu. Bề mặt trong trụ biên được hoàn thiện đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật mặt F3 (yêu cầu hoàn thiện cấp đặc biệt). Phía hạ lưu đỉnh trụ biên bố trí cột đỡ nhà tời bằng khung thép đỡ máy tời nâng hạ cửa van vận hành.

* Mặt tràn

Mặt tràn được thiết kế theo dạng đập tràn đỉnh rộng bao gồm 3 phần, phần đầu vào cung tròn bán kính $R=1,0$ m, phần tiếp theo nằm ngang ở cao độ 21m (24m hay 25m) phần cuối cùng là đoạn thẳng nằm nghiêng nối tiếp giữa phần 2 và hạ lưu ở cao độ 19,5m (22,5m hay 23,5m) được nối bởi cung tròn bán kính $R=5$ m , bê tông mặt tràn là M250R28, mặt cong đập tràn sau khi hoàn thiện được mài nhẵn đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật mặt F3 (yêu cầu hoàn thiện cấp đặc biệt).

* Tấm Bê tông gia cố hạ lưu

Mục đích gia cố chống xói lở nối tiếp giữa tràn và hạ lưu bố trí tấm bê tông gia cố M200R28 dày trung bình 0,5 m rộng 3m và dài theo chiều dài các khoang tràn, có khoan neo thép $\Phi 25$ $a=2 \times 2$ m, $L=3$ m, trên tấm bê tông có bố trí các ống thoát nước giảm áp lực thấm.

* Nhà tời

Trên đập tràn bố trí nhà tời ở phía hạ lưu, bên trong đặt các máy tời điện

dùng để nâng hạ các van vận hành, cột nhà tời đặt trực tiếp lên các trụ pin và trụ biên. Nhà tời được thiết kế bao gồm các Cột, khung, dầm, sàn... bằng thép định hình và thép tấm, trên nhà tời bố trí 18 máy tời ở cao độ sàn 55,1m (và 54,1m), có bố trí 2 thang bộ bằng thép 2 đầu nhà tời phục vụ việc lên xuống bảo dưỡng, vận hành máy tời. Phần nhà trên cao độ 55,1m (54,1m) được thiết kế kín để che mưa nắng và có bố trí các ô cửa sổ thông gió.

*** Nhà vận hành và nhà Diesel dự phòng đập tràn**

Nhà vận hành đập tràn được dự kiến bố trí trên cao độ 43,6 m nằm trên sân nhà máy, bên trong nhà vận hành bố trí phòng vận hành cho cụm đầu mối.

Với mục đích tạo nguồn dự phòng cho đập tràn, bố trí 1 phòng Diesel đập tràn trong nhà vận hành cụm đầu mối. Trong phòng Diesel bố trí máy phát điện dự phòng, thùng dầu dự trữ bên trong và bên ngoài nhà. Mương cáp nhà diesel được nối với mương cáp lên nhà tời vận hành đập tràn.

2.2. Tuyến năng lượng

Tuyến năng lượng bố trí bên bờ trái gồm Cửa lấy nước và nhà máy thủy điện hồ bố trí ngang đập, nhà máy gồm ba tổ máy tuốc bin Bulb, trạm phân phối 110KV điện kiểu hở trên sân nhà máy ở cao trình 43,6m.

a) Kênh dẫn

Kênh được đào cùng với hố móng cửa lấy nước, chiều dài tuyến kênh 120m, mái đào với các hệ số mái thay đổi $m = 1,2$, $m=1,15$ và $m=0,25$ tùy theo khu vực địa chất qua các lớp edQ+ IA1, IB và IIA và yêu cầu về thủy lực.

Trước kênh vào có bố trí tường T1 có mục đích để chắn bùn cát xuống cửa lấy nước, tường có kết cấu bê tông cốt thép M200, cao độ đỉnh tường 23m.

Các thông số chính như sau:

1	- Cao trình điểm đầu đáy kênh	m	21
2	- Chiều rộng đáy kênh	m	38,5
3	- Chiều dài kênh dẫn	m	120
4	- Độ dốc đáy kênh		0 ; 1:5

b) Cửa nhận nước

Cửa lấy nước kết cấu bằng bê tông cốt thép được bố trí bên bờ trái, trùng với trục tim TNL, thuận cho dòng chảy vào đường ống áp lực. Cửa nhận nước bao gồm 03 khoang chia làm 3 cửa vào để cấp nước cho 03 tổ máy turbine Bulb. Cao độ ngưỡng cửa lấy nước của 2 khoang lớn được thiết kế là 9,4m để đảm bảo lấy được lưu lượng của hai tổ máy to với $Q = 417,40 \text{ m}^3/\text{s}$ và cao độ ngưỡng của 1 khoang nhỏ là 12,93m để đảm bảo lấy được lưu lượng của 1 tổ máy nhỏ với $Q = 64,83 \text{ m}^3/\text{s}$ khi mực nước trong hồ ở MNC cao độ 30,5m và tránh bùn cát tập trung chui vào đường ống dẫn nước vào nhà máy.

Tại cửa lấy nước có bố trí: 3 lưới chắn rác kích thước thông thủy $n \times B \times H = (2 \times 12,2 \times 20,8) \text{ m}$ cho 2 tổ máy $Q = 417,40 \text{ m}^3/\text{s}$ và $n \times B \times H = (1 \times 7,2 \times 12,64) \text{ m}$ cho 1 tổ máy $Q = 64,83 \text{ m}^3/\text{s}$, 3 cửa van Sửa chữa có kích thước thông thủy $n \times b \times h = (2 \times 11,2 \times 12,6) \text{ m}$ cho 2 tổ máy $Q = 417,40 \text{ m}^3/\text{s}$ và $n \times b \times h = (1 \times 6,2 \times 6,94) \text{ m}$ cho 1 tổ máy $Q = 64,83 \text{ m}^3/\text{s}$. Phục vụ cho việc nâng hạ cửa van Sửa chữa bằng sức

nâng của cầu trục chân dê thông qua trục kéo và dầm cặp cơ khí. Để nâng hạ lưới chắn rác và vớt rác là cầu trục chân dê chạy trên ray, ray được đặt trên dầm phía thượng lưu và trên sàn CLN. Vận tốc dòng chảy qua lưới chắn rác được thiết kế nhỏ, kích thước cửa vào cửa lấy nước được bố trí dạng các đường cong thủy lực để giảm tổn thất cửa vào, và cao trình ngưỡng được đặt đảm bảo lấy nước ổn định không tạo phễu xoáy trước cửa lấy nước.

Cao trình đỉnh cửa lấy nước là 43,6m cùng với cao trình đỉnh đập. Chiều cao cửa lấy nước là 37,5m, chiều dài cửa lấy nước là 15,76m và chiều rộng là 38,0m. Đường vận hành đi qua trên sàn CLN cho phép xe chạy qua, trên sàn có bố trí hệ thống mương cấp, lan can hộ lan, chiếu sáng ...

Nối tiếp sau cửa lấy nước là đoạn đường ống áp lực với tiết diện hình vuông kích thước $n \times b \times h = (2 \times 11,2 \times 12,6)$ m và $n \times b \times h = (1 \times 6,2 \times 6,94)$ m.

Bảng thông số chính cửa lấy nước:

- Kết cấu CLN		BTCT
- Cao trình đỉnh	m	43,6
- Cao trình ngưỡng	m	9,4/12,93
- Số lỗ cửa	lỗ	3
- Kích thước thông thủy cửa van sửa chữa ($n \times B \times H$)	m	2x11,2x12,6 và 1x6,2x6,94
- Kích thước thông thủy lưới chắn rác ($n \times B \times H$)	m	2x12,2x20,8 và 1x7,2x12,64
- Chiều rộng cửa lấy nước (theo phương tim đập)	m	37,6
- Chiều dài CLN	m	15,76
- Chiều cao lớn nhất	m	37,5

c) Nhà máy:

Nhà máy thủy điện có kết cấu bằng bê tông cốt thép kiểu hở đặt trên nền đá lớp IIA. Nhà máy gồm 3 tổ máy trục ngang với tua bin loại Bulb công suất lắp máy 30MW bao gồm 2 tổ máy Bulb công suất 13MW và 01 tổ máy Bulb công suất 4MW.

Kích thước nhà máy dài x rộng x sâu = 61,8x61,5x49,0m. Cao trình lắp máy 2 tổ máy lớn là 15,7m, 1 tổ máy nhỏ là 16,4m.

Nhà máy thủy điện có kết cấu bằng bê tông cốt thép, mái che kín. Để đảm bảo chống thấm bê tông tường bao thượng lưu, hạ lưu và xung quanh nhà máy có mác M250W8R28, còn các phần còn lại là M250R28, Nhà máy được bố trí đảm bảo điều kiện ổn định dầy nổi, ổn định lật, trượt cho các kết cấu gian máy.

Kích thước nhà máy được quyết định bởi các kích thước các thiết bị bên trong, chiều rộng gian máy 16,0m, chiều dài gian máy là 38,0m. Cao độ gian máy là 25,0m

Sàn lắp máy được bố trí ở đầu phía trái nhà máy thẳng với đường vào nhà máy với kích thước 16m x 20,8m, cao độ sàn lắp máy được xác định là 30,10m, thiết bị cơ điện được vận chuyển vào gian lắp ráp qua lỗ thả thiết bị phía thượng lưu thông qua cầu trục cửa lấy nước.

Phòng điều khiển trung tâm được bố trí ở hạ lưu, cao độ sàn là 36,85m

Các máy biến thế được bố trí trong trạm biến áp 110KV trên cao độ 43,6m. Trong nhà máy thủy điện đã bố trí đủ các phòng để đặt hệ thống thiết bị công nghệ của nhà máy.

Cầu trục trong gian máy có sức nâng móc chính 125T được bố trí trên cao độ 43,60m, đảm bảo việc tổ hợp thiết bị nặng trên sàn lắp máy và nâng chuyển vào vị trí lắp đặt tại các tổ máy, nhịp cầu trục gian máy là 16m.

Cửa ra của các tổ máy có bố trí van vận hành với 02 bộ cửa van phẳng bánh xe, kích thước W x H = 11,0m x 8,03m và 01 bộ cửa van phẳng bánh xe, kích thước W x H = 6,0m x 4,41m. Tại cao độ 43,6m ở hạ lưu nhà máy bố trí 03 tời phục vụ cho việc nâng hạ các cửa van hạ lưu.

Các mực nước chống lũ, mực nước phát điện ở hạ lưu được tra theo mối quan hệ mực nước và lưu lượng lũ, lưu lượng phát điện tương ứng, Cao trình chống lũ hạ lưu nhà máy 43,6m.

Sau khi hoàn thành nhà máy hồ móng nhà máy được đắp đá trở lại tới cao độ 43,4m và được đổ lớp bê tông bề mặt hoàn thiện dày 0,2m khi hoàn thiện sân nhà máy ở cao độ 43,6m.

Trên sân vườn nhà máy ở cao độ 43,6m được đổ lớp bê tông hoàn thiện bề mặt dày 0,2m, bố trí nhà Diezen, bể chứa nước lẫn dầu, các rãnh thoát nước mái, rãnh thoát nước mặt, rãnh cáp từ nhà máy đến trạm phân phối điện và lên cửa lấy nước, đập tràn, trồng vườn hoa, cây cảnh, đèn chiếu sáng, đèn trang trí, bãi đậu xe, nhà bảo vệ ... đồng bộ để phục vụ quản lý vận hành nhà máy.

<i>Nhà máy thủy điện</i>			
- Kết cấu chính			BTCT
- Cao trình đặt turbine tổ máy nhỏ	m		16,4
- Cao trình đặt turbine tổ máy lớn	m		15,7
- Cao trình gian máy	m		25,0
- Cao trình sàn lắp ráp	m		30,1
- Cao trình sàn chống lũ	m		43,6
- Số tổ máy	tổ		3
- Loại tuốc bin			Hướng trục kiểu Bulb
- Kích thước NM (dài x rộng x sâu)	m		61,8x61,5x49,0
- Kích thước cửa van hạ lưu (nxbxh)	m		2x11,0x8,03 và 1x6,0x4,41

d) Kênh xả sau nhà máy:

Do nhà máy thủy điện bố trí sát bờ sông nên hồ móng sau nhà máy có thể xem như là kênh xả sau nhà máy, kênh có chiều dài 187m. Mái kênh trên cao độ 32 được gia cố bằng tấm BTCT M200 dày 30cm, tại đây có bố trí tường T2 có mục đích để hướng dòng và chắn bùn cát từ tràn chảy vào bồi lấp kênh xả, tường có kết cấu bê tông cốt thép M200.

f) Trạm phân phối điện:

Trạm phân phối 110kV kiểu hở bố trí bên bờ trái cạnh nhà máy, cao trình sân trạm phân phối 43,6m, bên cạnh trạm có bố trí 2 máy biến áp tăng cho 3 tổ máy. Đầu nối trạm phân phối với hệ thống điện quốc gia bằng đường dây 110KV đi từ trạm phân phối thủy điện Trà Khúc 2 đến trạm phân phối thủy điện

Trà khúc 1 với chiều dài đường dây khoảng 8,75km, sau đó đi chung đường dây với nhà máy thủy điện Trà khúc 1 về trạm 220/110KV Sơn Hà thị trấn Di Lăng tỉnh Quảng Ngãi. Chiều dài đường dây đi chung 10,3km.

2.3. Thiết bị cơ khí thủy công:

- Thiết bị cơ khí thủy công dự án thủy điện Trà Khúc 2 được bố trí ở các hạng mục: Đập tràn; Cửa lấy nước; Hạ lưu nhà máy thủy điện.
- Thiết bị cơ khí thủy lực: Tuốc bin thủy lực và máy điều tốc.

2.4. Phương án đấu nối nhà máy vào hệ thống điện Quốc gia

Nhà máy thủy điện Trà Khúc 2 được đấu nối với hệ thống điện quốc gia bằng đường dây 110kV đi từ trạm phân phối thủy điện Trà Khúc 2 đến trạm phân phối thủy điện Trà khúc 1 với chiều dài đường dây khoảng 8,75km, sau đó đi chung đường dây với nhà máy thủy điện Trà khúc 1 về trạm 220/110KV Sơn Hà thị trấn Di Lăng tỉnh Quảng Ngãi, chiều dài đường dây đi chung 10,3km.

2.5. Tiến độ thực hiện dự án

Trên cơ sở khối lượng các công tác chính và sơ đồ dẫn dòng thi công của phương án kiến nghị, tiến độ xây dựng dự kiến trong 2 năm :

- Khởi công công trình: Tháng 1/năm XD1;
- Lắp sông: Tháng 1/năm XD2;
- Đóng công dẫn dòng, tích nước: cuối tháng 7/năm XD2;
- Khởi động tổ máy số 1 tháng 9/ năm XD2;
- Phát điện tổ máy 2 tháng 10/ năm XD2;
- Hoàn thành toàn bộ công trình trong năm XD2.

IV. Kết quả thẩm định thiết kế cơ sở

1. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch được duyệt

- Đối chiếu các thông số chính của dự án:

Thông số	Quy hoạch	TKCS
Vị trí tọa tuyến đập và Nhà máy:	15°04'20" vĩ độ Bắc, 108°33'55" kinh độ Đông	15°04'20" vĩ độ Bắc, 108°33'55" kinh độ Đông
Diện tích lưu vực (km ²)	2.653	2.653
Mức nước dâng bình thường (m)	32	32
Mức nước hạ lưu nhỏ nhất (m)	19,5	19,97
Mức nước chết (m)	32	30,5
Công suất (MW)	30	30
Điện lượng trung bình năm (triệu kWh)	120,51	122,48

Đối chiếu các thông số kỹ thuật dự án đã được Bộ Công Thương phê duyệt so với hồ sơ dự án thì các thông số cơ bản phù hợp với quy hoạch được duyệt. Tuy nhiên, có thay đổi về mực nước hạ lưu Nhà máy, mực nước chết, sản lượng điện trung bình năm. Do đó, đề nghị Tư vấn giải trình, làm rõ trong hồ sơ dự án để xem xét.

2. Sự phù hợp của phương án công nghệ, dây chuyền công nghệ được lựa chọn đối với công trình có yêu cầu về thiết kế công nghệ: các công nghệ xây dựng, thiết bị của dự án đã chọn là phù hợp ở giai đoạn thiết kế cơ sở.

3. Sự phù hợp của các giải pháp thiết kế về đảm bảo an toàn xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ:

- Giải pháp thiết kế các hạng mục công trình cơ bản hợp lý, đảm bảo an toàn xây dựng.

- Về bảo vệ môi trường: các giải pháp bảo vệ, giảm thiểu tác động đến môi trường cơ bản phù hợp. Hiện nay, hồ sơ Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, kiểm tra hiện trường và tổ chức họp thẩm định vào ngày 22/5/2020.

- Về phòng chống cháy, nổ: các giải pháp phòng chống cháy, nổ cơ bản phù hợp. Đã được cơ quan có thẩm quyền thống nhất giải pháp thiết kế PCCC tại Văn bản số 138/GY-PC07(Đ2) ngày 20/5/2020.

4. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành:

- Dự án thủy điện Trà Khúc 2 có cấp thiết kế công trình chính là cấp II, việc lựa chọn tần suất thiết kế $P_{tk}=1,5\%$ và tần suất kiểm tra $P_{kt}=0,2\%$, dẫn dòng thi công $P_{tc}=10\%$ để tính toán công trình chính là hoàn toàn phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật hiện hành.

- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chủ yếu để Tư vấn thiết kế dự án được được Tư vấn thẩm tra xem xét, đánh giá là phù hợp gồm các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy phạm của Việt Nam và nước ngoài được áp dụng ở Việt Nam.

5. Điều kiện năng lực của đơn vị tư vấn thiết kế, thẩm tra:

a) Tư vấn thiết kế: Công ty CP Tư vấn và Đầu tư XD Thủy điện

- + Giấy phép hoạt động điện lực số 180/GP-ĐTĐL do Cục Điều tiết điện lực Bộ Công Thương cấp cho Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Thủy điện ngày 02 tháng 11 năm 2011 – Tư vấn lập Dự án đầu tư, thiết kế, đấu thầu các công trình Nhà máy thủy điện không giới hạn quy mô công suất lắp đặt.

- + Chủ nhiệm thiết kế dự án: Ông Nguyễn Cảnh Bình. Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số BXD-00006862 cấp ngày 08 tháng 08 năm 2017;

b) Nhà thầu khảo sát địa hình, địa chất: Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng 23

+ Chủ trì khảo sát địa hình : Ông Lê Vũ Trụ được Bộ xây dựng cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng khảo sát địa hình hạng I số BXD-00019361 ngày 01 tháng 03 năm 2018.

+ Chủ trì khảo sát địa chất: Ông Trương Phước Phúc được Bộ xây dựng cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng khảo sát địa chất công trình hạng I số BXD – 00001303 ngày 01 tháng 03 năm 2018.

c) Nhà thầu tư vấn thẩm tra: Công ty Cổ phần Tư vấn Xây Dựng Điện và Môi Trường Quốc Tế

+ Giấy phép hoạt động Điện lực số 273/GP-ĐTĐL do Cục Điều tiết điện lực - Bộ Công Thương cấp ngày 02 tháng 08 năm 2019.

+ Chứng chỉ hoạt động xây dựng số BXD-00152999 do Cục quản lý hoạt động xây dựng – Bộ xây dựng cấp ngày 12 tháng 04 năm 2019.

+ Chủ trì báo cáo thẩm tra: Ông Lê Đăng Công. Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng số KS-027-05520 do Sở Xây dựng, tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 30/09/2015.

6. Sự phù hợp của giải pháp tổ chức thực hiện dự án theo giai đoạn, hạng mục công trình với yêu cầu của thiết kế cơ sở:

- Các tài liệu, số liệu, kết quả khảo sát, tính toán phân tích đánh giá về khí tượng, thủy văn, địa hình, địa chất cơ bản đáp ứng yêu cầu về bố trí hạng mục công trình trong giai đoạn TKCS. Tuy nhiên cần hoàn chỉnh, bổ sung một số nội dung sau:

- Về khảo sát địa chất: cần viết lại báo cáo theo trình tự về báo cáo kết quả khảo sát xây dựng theo thông tư hướng dẫn của bộ xây dựng về báo cáo kết quả khảo sát. Theo nghị định 46/2015 ND-CP theo điều 15 về nội dung báo cáo kết quả khảo sát.

- Điều kiện ĐCCT hồ chứa được trình bày tương đối đầy đủ, tuy nhiên cơ sở để lập báo cáo không có, không có các bản vẽ (không thực hiện khảo sát hồ chứa) nên không có tính thuyết phục, để chấm điểm các chỉ tiêu theo phương pháp Khostavily, cần có các công tác thực địa như đo vẽ bản đồ địa chất, khoan đào, mô tả điểm lộ... để đưa ra các chỉ tiêu phù hợp. Do đó, đề nghị Chủ đầu tư yêu cầu Tư vấn khảo sát kỹ trong giai đoạn tiếp theo để phục vụ thiết kế kỹ thuật công trình.

- Về số lượng cửa van 18 cửa của dự án là khá lớn do vậy đề nghị nên có bài toán định lượng cụ thể để xem xét các kịch bản ở mùa lũ có thể bị kẹt một số cửa van làm gia tăng cao độ chống lũ của nhà máy và đỉnh tràn. Đặc biệt phải tính toán, bố trí máy phát dự phòng (ít nhất 02 máy) để đảm bảo vận hành trong mọi tình huống khi có lũ. Vì khu vực này đỉnh lũ của huyện Sơn Hà, nếu có sự cố

trong quá trình vận hành công trình trong mùa lũ thì dễ gây ảnh hưởng rất lớn đến thượng lưu công trình.

- Chuẩn xác quan hệ mực nước và lưu lượng nhà máy, mực nước dâng hồ chứa trong các trường hợp vận hành xả lũ, chuẩn xác hệ thống cao độ, tọa độ của thủy điện Trà Khúc 2 để đảm bảo đồng bộ với hệ thống cao độ, tọa độ của các bậc thang thủy điện phía thượng và hạ lưu.

- Phối hợp chặt chẽ với CĐT dự án thủy điện Trà Khúc 1, để đưa ra phương án thiết kế quy mô tràn xả lũ của Dự án thủy điện Trà Khúc 2 theo hướng tăng khả năng xả trên cơ sở đảm bảo vận hành an toàn, giảm tối đa mức độ ngập lụt phía thượng lưu trong mọi trường hợp để có phương án thi công và quản lý vận hành đảm bảo tuyệt đối an toàn.

- Ảnh hưởng đối với các dự án trong bậc thang thủy điện: Vì đây là dự án nằm ở phía hạ lưu của các Nhà máy thủy điện trên lưu vực sông Trà Khúc (Trà Khúc 1, ...) thượng lưu của công trình đầu mối Thạch Nham, Nhà máy thủy điện Thạch Nham nên cần đánh giá sơ bộ quá trình phối hợp, vận hành điều tiết các Nhà máy thủy điện trên cùng lưu vực. Tính toán, xem xét ảnh hưởng công trình đối với công trình thủy lợi Thạch Nham về mùa kiệt và mùa lũ.

- Cập nhật lại Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Trà Khúc để làm cơ sở tính toán vận hành công trình trong mùa lũ và đảm bảo duy trì lưu lượng dòng chảy tối thiểu trong mùa kiệt theo quy định, vì hiện nay Quyết định số 1840/QĐ-TTg ngày 29/10/2015 đã hết hiệu lực được thay thế bằng Quyết định số 911/QĐ-TTg ngày 25/7/2018.

V. Kết luận, kiến nghị

1. Kết luận

Hồ sơ Thiết kế cơ sở dự án thủy điện Trà Khúc 2 đã được đơn vị Tư vấn thẩm tra (Công ty CP Tư vấn xây dựng điện và Môi trường Quốc tế) xem xét, thống nhất và báo cáo kết quả thẩm tra vào tháng 4/2020. Về cơ bản các nội dung ý kiến của Tư vấn thẩm tra đã được Tư vấn thiết kế tiếp thu, chỉnh sửa trước khi trình hồ sơ thẩm định. Đề nghị đơn vị TVTT xem xét, kiểm tra hồ sơ hoàn chỉnh của TVTK và chịu trách nhiệm trước pháp luật theo quy định.

Hồ sơ Thiết kế cơ sở dự án thủy điện Trà Khúc 2, cơ bản đáp ứng các nội dung, thành phần khối lượng chính, yêu cầu kỹ thuật ở giai đoạn lập thiết kế cơ sở. Trước khi phê duyệt và triển khai thực hiện các bước tiếp theo, đề nghị Chủ đầu tư và đơn vị tư vấn hoàn chỉnh hoàn hồ sơ TKCS dự án theo ý kiến của thành viên tại cuộc họp thẩm định ngày 15/5/2020 và ý kiến tại Mục IV. của Văn bản này, gửi Sở Công Thương xem xét, thống nhất.

2. Kiến nghị

Để đảm bảo việc xây dựng, vận hành, khai thác công trình an toàn hiệu quả. Trong giai đoạn tiếp theo, đề nghị Chủ đầu tư cần lưu ý một số vấn đề sau:

- Cập nhật, hiệu chỉnh Mặt bằng tổng thể công trình, thể hiện rõ các khu vực bố trí mặt bằng thi công, các khu vực bãi thải đất đá và giải pháp hoàn trả; bố trí hệ thống đường công vụ; hệ thống cấp điện thi công;...

- Trong quá trình lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng phải công khai đầy đủ các thông tin về diện tích đất thu hồi, vị trí thu hồi và thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật và xem xét bồi thường, thu hồi đất đối với các vùng bán ngập (từ mực nước dâng bình thường đến mực nước dâng gia cường). Lưu ý các vùng bán ngập ở phía thượng lưu, phải có giải pháp thu hồi vĩnh viễn hay có giải pháp thỏa thuận với nhân dân trong vùng dự án để tránh khiếu nại trong quá trình quản lý vận hành.

- Trong giai đoạn tiếp theo, phải lập và trình Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Thủ tướng phê duyệt điều chỉnh Quy trình vận hành liên hồ chứa trên lưu vực sông Trà Khúc (theo Quyết định số 911/QĐ-TTg ngày 25/7/2018).

- Đối với việc ảnh hưởng đến trạm thủy văn Sơn Giang, Chủ đầu tư đề xuất giải pháp di dời thì cần phải có ý kiến thống nhất của Bộ Tài nguyên và Môi trường trước khi triển khai thực hiện các bước tiếp theo của dự án.

- Một số nội dung khác:

- + Tiếp tục nghiên cứu chuẩn xác mực nước hồ chứa và phương án thiết kế các hạng mục công trình nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư, đảm bảo công trình vận hành an toàn, ổn định và không ảnh hưởng đến các công trình thủy điện bậc thang liên kề, các công trình giao thông, thủy lợi, khu dân cư trong khu vực dự án. Lưu ý trong giai đoạn tiếp theo, Chủ đầu tư phải yêu cầu đơn vị Tư vấn thiết kế bố trí đầy đủ các thiết bị quan trắc và hệ thống giám sát quản lý vận hành (về khai thác sử dụng tài nguyên nước, cột thủy chí, hệ thống thông tin, cảnh báo,...) để phục vụ công tác quản lý vận hành công trình.

- + Đánh giá kỹ và thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực của dự án đối với môi trường-xã hội. Trong báo cáo đánh giá tác động môi trường cần xác định rõ vị trí các bãi thải và các vị trí này phải được sự đồng thuận của địa phương và các cơ quan có liên quan.

- + Phối hợp với chính quyền địa phương rà soát lại các công trình ngầm bị ảnh hưởng, đặc biệt là những vùng có nguy cơ sạt lở khi xây dựng dự án để có giải pháp đảm bảo an toàn cho nhân dân trong vùng dự án.

- + Bên cạnh việc tính toán, thống kê số liệu về lũ trên khu vực dự án cần thu thập thông tin từ người dân và chính quyền địa phương để đảm bảo việc thu thập số liệu thủy văn trên cơ sở khoa học và thực tiễn làm cơ sở tính toán cho dự án. Đặc biệt là ảnh hưởng đến nhân dân trong vùng dự án trước và sau khi xây dựng dự án.

- + Cam kết cụ thể việc hoàn trả cơ sở hạ tầng giao thông (để phục vụ thi công) cho địa phương phải tốt hơn so với lúc chưa có dự án (cần phải đưa vào chi phí Tổng mức đầu tư dự án).

Trên đây là thông báo của Sở Công Thương về kết quả thẩm định thiết kế cơ sở công trình thủy điện Trà Khúc 2. Đề nghị Chủ đầu tư thực hiện các bước tiếp theo đúng theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ đầu tư, các ĐVTV;
- Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, QLNL.



GIÁM ĐỐC

Võ Đình Trà



Phụ lục: Thông số kỹ thuật công trình thủy điện Trà Khúc 2
(Kèm theo Công văn số 878/TĐ-SCT ngày 25 tháng 5 năm 2020)

TT	Các thông số	Đơn vị	Thông số
I	Các đặc trưng lưu vực		
1	Diện tích lưu vực đến tuyến đập	km ²	2653
2	Chiều dài sông chính đến tuyến đập	km	86,2
3	Lượng mưa trung bình nhiều năm (X ₀)	mm	3310
4	Lưu lượng trung bình nhiều năm (Q ₀)	m ³ /s	200
5	Tổng lượng dòng chảy TB nhiều năm	10 ⁶ m ³ /s	6320
6	Lưu lượng đỉnh lũ đến tại tuyến đập		
	Lũ kiểm tra P=0,2% (tự nhiên)	m ³ /s	27233
	Lũ thiết kế P=1,0% (tự nhiên)	m ³ /s	20399
	Lũ kiểm tra P=0,2*% (có xét Đăkrinh và Nước Trong)	m ³ /s	30014
	Lũ thiết kế P=1,0*% (có xét Đăkrinh và Nước Trong)	m ³ /s	23407
II	Hồ chứa		
1	Mực nước dâng bình thường (MNDBT)	m	32,0
2	Mực nước chết (MNC)	m	30,5
3	Mực nước hồ ứng với lũ kiểm tra P=0,2*%	m	42,25
4	Mực nước hồ ứng với lũ thiết kế P=1,0*%	m	39,92
5	Dung tích toàn bộ (Wtb)	10 ⁶ m ³	7,48
6	Dung tích hữu ích (Whi)	10 ⁶ m ³	2,64
7	Dung tích chết (Wc)	10 ⁶ m ³	4,84
8	Diện tích mặt hồ ứng với MNDBT	km ²	1,95
III	Lưu lượng qua nhà máy		
1	Lưu lượng lớn nhất Q _{max}	m ³ /s	482,23
2	Lưu lượng nhỏ nhất Q _{min}	m ³ /s	10,0
IV	Cột nước nhà máy		
1	Cột nước lớn nhất tổ máy nhỏ (H _{max1})	m	12,0
2	Cột nước lớn nhất tổ máy lớn (H _{max2})	m	11,6
3	Cột nước nhỏ nhất (H _{min})	m	2,6
4	Cột nước tính toán (H _{tt})	m	7,0
V	Mực nước hạ lưu tuyến đập và tuyến nhà máy		
1	MNHL max ứng với lũ KT(P=0,2*%)	m	39,70
2	MNHL max ứng với lũ TK(P=1,0*%)	m	38,03

TT	Các thông số	Đơn vị	Thông số
3	MNHL nhà máy làm việc với Qmax 3 tổ máy	m	22,22
4	MNHL min	m	19,97
VI	Công suất		
1	Công suất lắp máy (N _{lm})	MW	30,0
2	Công suất đảm bảo với tần suất 85%	MW	4,58
VII	Điện lượng		
1	Điện lượng trung bình năm E _o	10 ⁶ kWh	122,48
2	Số giờ sử dụng công suất lắp máy	Giờ	4083

QUY MÔ CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN TRÀ KHÚC 2

TT	Hạng mục	Đơn vị	Thông số
I	Cấp công trình		II
II	Tuyến áp lực		
1	Đập tràn cửa van		
	- Dạng đập tràn.		Tràn cửa van
	- Hình thức mặt tràn.		Tràn đỉnh rộng
	- Kết cấu		BTCT
	- Chiều dài đập tràn theo đỉnh	m	309,5
	- Cao trình ngưỡng tràn	m	21/24/25
	- Cao trình đỉnh tràn.	m	43,6
	- Chiều cao lớn nhất (kể từ đáy tràn)	m	35,15/23,10/21,10
	- Kích thước thông thủy và số khoang tràn (n x B x H)	m	(2 x 15 x 11)/ (10x15x8)/(6x15x7)
III	Tuyến năng lượng		
1	Kênh dẫn vào		
	- Cao trình điểm đầu đáy kênh	m	21
	- Chiều rộng đáy kênh	m	38,5
	- Chiều dài kênh dẫn	m	120
	- Độ dốc đáy kênh		0, 1:5
2	Cửa lấy nước		
	- Kết cấu CLN		BTCT
	- Cao trình đỉnh	m	43,6

TT	Hạng mục	Đơn vị	Thông số
	- Cao trình ngưỡng	m	9,4/12,93
	- Số lỗ cửa	lỗ	3
	- Kích thước thông thủy cửa van sửa chữa (nxBxH)	m	2x11,2x12,6 và 1x6,2x6,94
	- Kích thước thông thủy lưới chắn rác (nxBxH)	m	2x12,2x20,8 và 1x7,2x12,64
	- Chiều rộng cửa lấy nước (theo phương tim đập)	m	37,6
	- Chiều dài CLN	m	15,76
	- Chiều cao lớn nhất	m	37,5
4	Nhà máy thủy điện		
	- Kết cấu chính		BTCT
	- Cao trình đặt turbine tổ máy lớn /nhỏ	m	15,7/16,4
	- Cao trình gian máy	m	25,0
	- Cao trình sàn lắp ráp	m	30,10
	- Cao trình sàn chống lũ	m	43,6
	- Số tổ máy	tổ	3
	- Loại tuốc bin		Hướng trục kiểu Bulb
	- Kích thước NM (dài x rộng x sâu)	m	61,8x61,5x49,0
	- Kích thước cửa van hạ lưu (nxbxh)	m	2x11,0x8,03 và 1x6,0x4,41
5	Kênh xả		
	- Cao độ điểm đầu đáy kênh	m	12,12
	- Độ dốc đáy kênh		1:10, 0
	- Chiều rộng đáy kênh	m	70
	- Chiều dài kênh	m	187
6	Trạm phân phối 110kV kiểu hở		
	- Cấp điện áp	kV	110
	- Cao trình đặt MBA	m	43,6
	- Số máy biến áp trong trạm	m	2
	- Kiểu trạm		Đặt hở

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Số: **44**/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quảng Ngãi, ngày **21** tháng 01 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
Dự án Thủy điện Trà Khúc 2**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 43/2012/TT-BCT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng dự án thủy điện và vận hành khai thác công trình thủy điện;

Căn cứ Quyết định số 4548/QĐ-BCT ngày 07/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc phê duyệt bổ sung quy hoạch thủy điện nhỏ tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Văn bản số 754-KL/TU ngày 11/9/2018;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Khúc 2 tại Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư kèm theo hồ sơ đề xuất dự án gửi ngày 27/12/2018, văn bản giải trình, làm rõ một số nội dung gửi ngày 14/01/2020; đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 12/BCTĐ-SKHĐT ngày 15/01/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp thuận nhà đầu tư: CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN TRÀ KHÚC 2.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300822960 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi đăng ký lần đầu ngày 14/8/2018, vốn điều lệ 315 tỷ đồng.

Địa chỉ trụ sở chính: Ngã 3 Hà Thành, xã Sơn Thành, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Trần Hoàng Anh; chức vụ: Tổng Giám đốc; ngày sinh: 06/10/1985; quốc tịch: Việt Nam; chứng minh nhân dân số 186181190 do Công an tỉnh Nghệ An cấp ngày 10/5/2017; địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện nay: Xóm Phúc Lộc, xã Hưng Lộc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư.

1. Tên dự án đầu tư: THỦY ĐIỆN TRÀ KHÚC 2.

2. Mục tiêu của dự án: Sản xuất và kinh doanh điện năng.

3. Quy mô dự án:

- Công suất thiết kế: 30 MW;
- Điện lượng trung bình hàng năm: 120,51 triệu KWh.
- Các thông số kỹ thuật chính:

TT	Thông số kỹ thuật	Đơn vị	Thông số
1	Diện tích lưu vực	km ²	2653
2	Mực nước dâng bình thường	m	32
3	Mực nước chết	m	32
4	Mực nước hạ lưu nhỏ nhất	m	19,50

4. Địa điểm thực hiện dự án: Các xã: Sơn Thành, Sơn Giang, Sơn Linh, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Diện tích đất dự kiến sử dụng: 253,6 ha (sẽ được chuẩn xác trong quá trình thẩm định nhu cầu sử dụng đất).

6. Tổng vốn đầu tư (trước thuế): 1.190.157.000.000 đồng.

Nguồn vốn như sau:

- Vốn góp của Nhà đầu tư (chiếm 30%): 357.590.000.000 đồng;
- Vốn huy động (chiếm 70%): 832.567.000.000 đồng.

7. Thời hạn hoạt động dự án: 49 (bốn mươi chín) năm kể từ ngày cấp Quyết định chủ trương đầu tư.

8. Tiến độ thực hiện dự án:

- Từ Quý I/2019 - Quý IV/2020: Hoàn thiện các thủ tục về đầu tư, bồi thường, GPMB, xây dựng...;
- Quý I/2021 - Quý IV/2023: Xây dựng công trình, lắp đặt thiết bị;
- Quý IV/2023: Hoàn thành công trình, phát điện thương mại.

9. Công nghệ và thiết bị

Dự án không sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao theo Nghị định số 120/2014/NĐ-CP ngày 10/12/2014 của Chính phủ. Toàn bộ thiết bị công nghệ đều là mới, chế tạo sau khi hợp đồng cung cấp thiết bị có hiệu lực, theo hoặc tương đương tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn Châu Âu và các nước thuộc G7.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

Về ưu đãi đầu tư: Dự án thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư (năng lượng tái tạo) và đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn (huyện Sơn Hà) nên được hưởng các ưu đãi như sau:

- Về thuế thu nhập doanh nghiệp: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 11, khoản 1 Điều 12 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu: Thực hiện theo quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 06/4/2016 và Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ.

- Về tiền thuê đất: Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Điều 3. Một số yêu cầu Nhà đầu tư phải thực hiện:

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường, đầu tư dự án thủy điện và pháp luật có liên quan khi tiến hành đầu tư xây dựng dự án.

2. Thực hiện nghiêm túc các nội dung sau:

- a) Đầu tư xây dựng, quản lý vận hành Dự án đảm bảo các thông số kỹ thuật đã báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy và thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các yêu cầu của Bộ Công Thương tại Quyết định số 4944/QĐ-BCT ngày 27/12/2018: Sử dụng công nghệ mới, hiện đại, đảm bảo chất lượng, an toàn, thân thiện môi trường.

- b) Lập, trình thẩm định, phê duyệt đánh giá tác động môi trường cần trọng, theo đúng quy định, khắc phục tối đa các tác hại tiêu cực của dự án đến sản xuất và đời sống của người dân; đảm bảo duy trì dòng chảy tối thiểu để ổn định hệ sinh thái, sản xuất nông nghiệp của người dân; thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát, việc đầu tư đảm bảo chất lượng công trình và đúng Báo cáo đánh giá tác động môi trường khi được phê duyệt.

- c) Thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng đảm bảo hài hòa lợi ích của người dân; phải triển khai đào tạo, dạy nghề và sử dụng lao động địa phương, ưu tiên cho các hộ dân có đất bị thu hồi để thực hiện dự án, đảm bảo đời sống của người dân tốt hơn sau khi dự án hoàn thành.

- d) Phối hợp với chính quyền địa phương thường xuyên sửa chữa các công trình phục vụ lương thực (vừa phục vụ sản xuất sinh hoạt của người dân

và thi công Dự án), nhất là đường giao thông khi thi công hoặc bị ảnh hưởng khi vận hành dự án; đảm bảo giao thông và các công trình hạ tầng kỹ thuật dân sinh phục vụ nhân dân trong khu vực dự án; đảm bảo chất lượng bằng hoặc tốt hơn trước khi thực hiện dự án.

đ) Có trách nhiệm với cộng đồng thông qua các hoạt động ủng hộ an sinh xã hội, giải quyết việc làm nhằm nâng cao đời sống cho người dân trong khu vực được tốt hơn so với khi chưa có Dự án.

3. Có trách nhiệm triển khai thực hiện dự án đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và đảm bảo tiến độ ghi trong Quyết định chủ trương đầu tư này. Sau 12 tháng mà nhà đầu tư không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện dự án theo tiến độ đăng ký với cơ quan đăng ký đầu tư và không thuộc trường hợp được giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư so với tiến độ đã đăng ký tại Khoản 8, Điều 1 của Quyết định chủ trương đầu tư này, UBND tỉnh sẽ xem xét việc chấm dứt hoạt động của án.

4. Nếu trong quá trình triển khai thực hiện dự án, Nhà đầu tư cần điều chỉnh những nội dung tại Quyết định chủ trương đầu tư thì làm việc với Sở Kế hoạch và Đầu tư (thông qua Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi) để được hướng dẫn, thực hiện các thủ tục theo quy định.

5. Phối hợp với Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện Sơn Hà để xác định phương án đấu nối và lập hồ sơ bổ sung phương án vào quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Ngãi; lập phương án thiết kế để đảm bảo an toàn dự án khi vận hành; bổ sung dự án vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng đối với khu đất thực hiện dự án; điều chỉnh diện tích đất quy hoạch rừng phòng hộ, rừng sản xuất, đất lúa theo đúng quy định.

6. Thực hiện việc ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án theo quy định tại Khoản 2, Điều 42 Luật Đầu tư và Khoản 3, Điều 27 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ ngay sau khi được UBND tỉnh quyết định chủ trương đầu tư và sẽ được hoàn trả theo quy định của pháp luật.

7. Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, năm cho Sở Kế hoạch và Đầu tư và Cơ quan thống kê theo quy định tại Điều 71 Luật Đầu tư.

8. Làm việc với các sở, ngành có liên quan để được hướng dẫn hưởng các ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện nghiêm túc ý kiến tham gia của sở, ban, ngành và Sở Kế hoạch và Đầu tư nêu tại Báo cáo thẩm định số 12/BCTĐ-SKHĐT ngày 15/01/2020.

Điều 4. Tổ chức thực hiện:

1. Giao UBND huyện Sơn Hà chủ trì, phối hợp với các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm xử lý các vấn đề thuộc chức năng và thẩm quyền quản lý nhà nước liên quan đến dự án đầu tư nêu trên, trong đó đặc biệt lưu ý xác định phương án đầu nối và lập hồ sơ bổ sung phương án vào quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Ngãi; bổ sung dự án vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; điều chỉnh diện tích đất rừng phòng hộ, rừng sản xuất, đất lúa...

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Có trách nhiệm đôn đốc, nhắc nhở và kiểm tra tiến độ thực hiện dự án và thực hiện theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 2929/UBND-CNXD ngày 25/5/2018.

b) Là cơ quan chủ trì, thỏa thuận việc ký quỹ bằng văn bản với Nhà đầu tư trước thời điểm giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

c) Trong thời gian 07 ngày làm việc kể từ ngày cấp Quyết định chủ trương đầu tư này, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm sao gửi Quyết định chủ trương đầu tư cho các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Tài chính, UBND huyện Sơn Hà và Cục Thuế tỉnh.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 6. Quyết định này được lập thành 03 (ba) bản gốc, một bản cấp cho Công ty Cổ phần Thủy điện Trà Khúc 2, một bản gửi cho Sở Kế hoạch và Đầu tư và một bản được lưu tại UBND tỉnh Quảng Ngãi./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Ngọc Căng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **879**/QĐ-UBND

**QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
ĐỒNG THỜI CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ**

(Cấp lần đầu: ngày 21 tháng 01 năm 2020)

(Điều chỉnh lần thứ nhất: ngày 10 tháng 8 năm 2022)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư Quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số 44/QĐ-UBND ngày 21/01/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Công ty Cổ phần thủy điện Trà Khúc 2 tại văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo nộp ngày 05/7/2022 và đề xuất của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 223/BCTĐ-SKHĐT ngày 28/7/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư của dự án thủy điện Trà Khúc 2 tại Quyết định chủ trương đầu tư số 44/QĐ-UBND ngày 21/01/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, với nội dung điều chỉnh như sau:

Nội dung về địa điểm thực hiện dự án quy định tại khoản 4 Điều 1 Quyết định chủ trương đầu tư số 44/QĐ-UBND ngày 21/01/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi được điều chỉnh thành:

Địa điểm thực hiện dự án: Các xã: Sơn Thành, Sơn Giang, Sơn Linh, Sơn Nham, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành, địa phương chịu trách nhiệm theo dõi việc thực hiện dự án của Nhà đầu tư và hỗ trợ Nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án. Trường hợp Nhà đầu tư thực hiện không đúng nội dung liên quan đến dự án và các nội dung được chấp thuận điều chỉnh nêu trên, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh xem xét, xử lý theo quy định.

2. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm tiếp thu và thực hiện nghiêm túc ý kiến thẩm định của các Sở, ngành, địa phương liên quan, các nội dung đã cam kết tại hồ sơ dự án được Sở Kế hoạch và Đầu tư nêu tại Báo cáo thẩm định số 223/BCTĐ-SKHĐT ngày 28/7/2022; chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan để hoàn thành các thủ tục, đầu tư dự án đúng tiến độ, ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một bộ phận không tách rời của Quyết định chủ trương đầu tư số 44/QĐ-UBND ngày 21/01/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

2. Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục Thuế tỉnh; UBND huyện Sơn Hà; Công ty Cổ phần thủy điện Trà Khúc 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được cấp cho Công ty Cổ phần thủy điện Trà Khúc 2 01 bản và 01 bản được lưu tại UBND tỉnh Quảng Ngãi./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, TTHC, CBTH;
- Lưu VT, KTN.th476

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Đặng Văn Minh



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **326** /QĐ-UBND

**QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ
ĐỒNG THỜI CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ**

(Cấp lần đầu: ngày 21 tháng 01 năm 2020)
(Điều chỉnh lần thứ nhất: ngày 10 tháng 8 năm 2022)
(Điều chỉnh lần thứ hai: ngày **26** tháng 4 năm 2024)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư; Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định chủ trương đầu tư số 44/QĐ-UBND ngày 21/01/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 879/QĐ-UBND ngày 10/8/2022;

Theo đề nghị của Công ty Cổ phần thủy điện Trà Khúc 2 tại Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo nộp ngày 21/3/2024; đề xuất của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định số 78/BCTĐ-SKHĐT ngày 08/4/2024; ý kiến thống nhất của Thành viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư của dự án thủy điện Trà Khúc 2 tại Quyết định chủ trương đầu tư số 44/QĐ-UBND ngày 21/01/2020, Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 879/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, với nội dung điều chỉnh như sau:

Nội dung về tiến độ thực hiện dự án quy định tại Khoản 8 Điều 1 Quyết định chủ trương đầu tư số 44/QĐ-UBND ngày 21/01/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi được điều chỉnh thành:

- Từ Quý I/2019 - Quý III/2025: Hoàn thành các thủ tục về đầu tư, bồi thường, GPMB, xây dựng...; Xây dựng công trình, lắp đặt thiết bị;
- Quý IV/2025: Hoàn thành công trình, phát điện thương mại.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư và các Sở, ngành, địa phương chịu trách nhiệm theo dõi việc thực hiện dự án của Nhà đầu tư và hỗ trợ Nhà đầu tư trong quá trình triển khai thực hiện dự án. Trường hợp Nhà đầu tư thực hiện không đúng nội dung liên quan đến dự án và các nội dung được chấp thuận điều chỉnh nêu trên, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu UBND tỉnh xem xét, xử lý theo quy định.

2. Nhà đầu tư chịu trách nhiệm tiếp thu và thực hiện nghiêm túc ý kiến thẩm định của các Sở, ngành, địa phương liên quan, các nội dung đã cam kết tại hồ sơ dự án được Sở Kế hoạch và Đầu tư nêu tại Báo cáo thẩm định số 78/BCTĐ-SKHĐT ngày 08/4/2024; chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan để hoàn thành các thủ tục về thuê đất và đầu tư dự án đúng tiến độ theo quy định.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một bộ phận không tách rời của Quyết định chủ trương đầu tư số 44/QĐ-UBND ngày 21/01/2020 và Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 879/QĐ-UBND ngày 10/8/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

2. Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Tài chính; Cục Thuế tỉnh; UBND huyện Sơn Hà và Công ty Cổ phần thủy điện Trà Khúc 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được cấp cho Công ty Cổ phần thủy điện Trà Khúc 2 01 bản và 01 bản được lưu tại UBND tỉnh Quảng Ngãi./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, TTHC;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu VT, KTN.³⁵⁸



Trần Hoàng Tuấn

Số: 59 /QĐ-HĐQT

Quảng Ngãi, ngày 01 tháng 06 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về việc: Phê duyệt Dự án đầu tư

Dự án thủy điện Trà Khúc 2, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi

Căn cứ:

- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;
- Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 07/2019/TT-BXD ngày 07/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây Dựng về việc sửa đổi, bổ sung, thay thế một số quy định tại Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 quy định phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 43/2012/TT-BCT ngày 27/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng dự án thủy điện và vận hành khai thác công trình thủy điện;
- Căn cứ Quyết định số 4548/QĐ-BCT ngày 07/12/2018 của Bộ Công Thương về việc phê duyệt bổ sung Quy hoạch thủy điện nhỏ tỉnh Quảng Ngãi;
- Căn cứ Quyết định số 10671/BCT-ĐL ngày 27/12/2018 của Bộ Công Thương về việc bổ sung phương án đầu tư dự án thủy điện Trà Khúc 2 vào hệ thống điện Quốc Gia;
- Căn cứ Quyết định số 44/QĐ-UBND ngày 21/01/2020 của UBND tỉnh Quảng Ngãi, Quyết định chủ trương đầu tư dự án thủy điện Trà Khúc 2;
- Căn cứ hồ sơ Thiết kế cơ sở do Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Thủy điện lập tháng 5/2020;
- Căn cứ văn bản số 878/TĐ-SCT ngày 25/05/2020 của Sở Công Thương tỉnh Quảng Ngãi về việc: Thông báo kết quả thẩm định Thiết kế cơ sở công trình thủy điện Trà Khúc 2.
- Xét tờ trình số 05/TTr-TK2 ngày 30/05/2022 của Tổng giám đốc Công ty cổ phần thủy điện Trà Khúc 2 về việc xin phê duyệt Hồ sơ dự án đầu tư dự án thủy điện Trà Khúc 2, tỉnh Quảng Ngãi.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng thủy điện Trà Khúc 2, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi với các nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: Thủy điện Trà Khúc 2.



2. Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần thủy điện Trà Khúc 2.

3. Mục tiêu đầu tư xây dựng công trình:

Sản xuất điện năng để cấp cho hệ thống điện Quốc gia với công suất lắp máy 30MW, điện lượng trung bình năm 122,48 triệu kWh.

4. Tổ chức tư vấn lập dự án, khảo sát, lập thiết kế cơ sở:

- Công ty Cổ phần Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Thủy điện: Tư vấn lập thiết kế cơ sở;
- Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng 23: Tư vấn lập hồ sơ khảo sát địa hình, địa chất.

5. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:

- Các xã Sơn Thành, Sơn Giang, Sơn Linh, Sơn Nham huyện Sơn Hà tỉnh Quảng Ngãi.

- Tổng diện tích sử dụng đất: 253,6 ha.

Trong đó:

- + Diện tích chiếm đất của dự án (không bao gồm sông suối) : 57,83 ha.
- + Diện tích đất sông suối : 195,77 ha.

6. Loại, nhóm dự án; loại cấp công trình: Công trình công nghiệp thuộc nhóm B, cấp thiết kế công trình theo QCVN 04-05:2012/BNNPTNT là cấp II.

7. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- Thiết kế xây dựng công trình được thực hiện theo ba bước gồm: Thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật và thiết kế bản vẽ thi công.
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 04-05:2012/BNNPTNT Công trình thủy lợi – Các quy định chủ yếu về thiết kế và các tiêu chuẩn liên quan khác.

8. Các thông số chính của dự án: Được thể hiện trong phụ lục kèm theo.

9. Giá trị tổng mức đầu tư: 1.295.855.000.000 đồng.

10. Tiến độ thực hiện dự án: Dự kiến xây dựng công trình trong 03 năm. Thời gian công Quý I/2023, hoàn thành Quý IV/2025.

11. Nguồn vốn đầu tư: Vốn chủ sở hữu 30%, vốn vay thương mại 70%.

12. Hình thức quản lý dự án: Xây dựng – Sở hữu – Kinh doanh (BOO)

Điều 2: Công ty Cổ phần thủy điện Trà Khúc 2 khẩn trương triển khai các bước tiếp theo đảm bảo tiến độ chung của dự án và các quy định hiện hành của Nhà Nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, Các ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc, các Trưởng phòng, Ban chức năng và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND tỉnh Quảng Ngãi (để b/c);
- Sở Công Thương tỉnh Quảng Ngãi (để b/c)
- Lưu: VT; KTCL.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đồng



PHỤ LỤC 1

(Kèm theo quyết định số: 59/QĐ-HĐQT ngày 01 tháng 05 năm 2022)

THÀNH PHẦN HỒ SƠ

Báo cáo nghiên cứu khả thi và Thiết kế cơ sở dự án thủy điện Trà Khúc 2

- **Hồ sơ khảo sát:** Báo cáo khảo sát địa hình; Báo cáo khảo sát địa chất công trình.
- **Hồ sơ nghiên cứu khả thi:**
 - + Tập 1: Thuyết minh tóm tắt thiết kế;
 - + Tập 2: Thuyết minh thiết kế;
 - + Tập 3.1: Thuyết minh và phụ lục tính toán khí tượng thủy văn;
 - + Tập 4: Thuyết minh và phụ lục tính toán thủy năng kinh tế - năng lượng.
 - + Tập 5: Tổng mức đầu tư xây dựng
- **Hồ sơ thiết kế cơ sở:**
 - + Tập 1: Thuyết minh thiết kế cơ sở;
 - + Tập 2: Phụ lục tính toán;
 - + Tập 3.1: Các bản vẽ thiết kế cơ sở;
- **Báo cáo chuyên ngành:**
 - + Tập: Tính toán bồi lắng nước dâng hồ chứa;
 - + Tập: Hệ thống phòng cháy chữa cháy.

PHỤ LỤC 2

(Kèm theo quyết định số 57/QĐ-HDQT ngày 01 tháng 06 năm 2022)

PHẦN I: Thông số kỹ thuật công trình thủy điện Trà Khúc 2

TT	Các thông số	Đơn vị	Thông số
I	Các đặc trưng lưu vực		
1	Diện tích lưu vực đến tuyến đập	km ²	2653
2	Chiều dài sông chính đến tuyến đập	km	86,2
3	Lượng mưa trung bình nhiều năm (X ₀)	mm	3310
4	Lưu lượng trung bình nhiều năm (Q ₀)	m ³ /s	200
5	Tổng lượng dòng chảy TB nhiều năm	10 ⁶ m ³ /s	6320
6	Lưu lượng đỉnh lũ đến tại tuyến đập		
	Lũ kiểm tra P=0,2% (tự nhiên)	m ³ /s	27233
	Lũ thiết kế P=1,0% (tự nhiên)	m ³ /s	20399
	Lũ kiểm tra P=0,2*% (có xét Đăkrinh và Nước Trong)	m ³ /s	30014
	Lũ thiết kế P=1,0*% (có xét Đăkrinh và Nước Trong)	m ³ /s	23407
II	Hồ chứa		
1	Mực nước dâng bình thường (MNDBT)	m	32,0
2	Mực nước chết (MNC)	m	32,0
3	Mực nước hồ ứng với lũ kiểm tra P=0,2*%	m	42,25
4	Mực nước hồ ứng với lũ thiết kế P=1,0*%	m	39,92
5	Dung tích toàn bộ (Wtb)	10 ⁶ m ³	7,48
6	Dung tích hữu ích (Whi)	10 ⁶ m ³	0
7	Dung tích chết (Wc)	10 ⁶ m ³	7,48
8	Diện tích mặt hồ ứng với MNDBT	km ²	1,95
III	Lưu lượng qua nhà máy		
1	Lưu lượng lớn nhất Q _{max}	m ³ /s	482,23
2	Lưu lượng nhỏ nhất Q _{min}	m ³ /s	10,0
IV	Cột nước nhà máy		
1	Cột nước lớn nhất tổ máy nhỏ (H _{max1})	m	12,0
2	Cột nước lớn nhất tổ máy lớn (H _{max2})	m	11,6
3	Cột nước nhỏ nhất (H _{min})	m	2,6
4	Cột nước tính toán (H _{tt})	m	7,0
V	Mực nước hạ lưu tuyến đập và tuyến nhà máy		
1	MNHL max ứng với lũ KT(P=0,2*%)	m	39,70
2	MNHL max ứng với lũ TK(P=1,0*%)	m	38,03

TT	Các thông số	Đơn vị	Thông số
3	MNHL nhà máy làm việc với Qmax 3 tổ máy	m	22,22
4	MNHL min	m	19,50
VI	Công suất		
1	Công suất lắp máy (Nlm)	MW	30,0
2	Công suất đảm bảo với tần suất 85%	MW	4,58
VII	Điện lượng		
1	Điện lượng trung bình năm Eo	10 ⁶ kWh	122,48
2	Số giờ sử dụng công suất lắp máy	Giờ	4083
VIII	Tổng mức đầu tư	10⁶VNĐ	<u>1 292 855,000</u>
1	- Chi phí xây dựng	10 ⁶ VNĐ	525 172,251
2	- Chi phí thiết bị	10 ⁶ VNĐ	459 167,724
3	- Chi phí bồi thường, hỗ trợ GPMB	10 ⁶ VNĐ	46 382,607
4	- Chi phí quản lý dự án	10 ⁶ VNĐ	21 986,576
5	- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	10 ⁶ VNĐ	46 433,874
6	- Chi phí khác của dự án	10 ⁶ VNĐ	130 916,642
	+ Chi phí khác chưa kể lãi vay	10 ⁶ VNĐ	42 586,675
	+ Chi phí lãi vay	10 ⁶ VNĐ	88 329,967
7	- Chi phí dự phòng	10 ⁶ VNĐ	62 795,134
IX	Các chỉ tiêu kinh tế		
1	NPV	10 ⁹ VNĐ	347,07
2	IRR		13,6%
3	B/C		1,36
X	Các chỉ tiêu tài chính:		
1	NPV	10 ⁹ VNĐ	407,27
2	FIRR		14,5%
3	B/C		1,34
4	Hoàn vốn	năm	14
XI	Tổng tiến độ công trình		
	- Thời gian xây dựng	năm	3
	- Khởi công		Quý I/2023
	- Lắp sông		Quý I/2024
	- Phát điện		Quý IV/2025
	- Hoàn thành dự án		Quý IV/2025

PHẦN II: Quy mô các hạng mục công trình thủy điện Trà Khúc 2

TT	Hạng mục	Đơn vị	Thông số
I	Cấp công trình		II
II	Tuyến áp lực		
1	Đập tràn cửa van		
	- Dạng đập tràn.		Tràn cửa van
	- Hình thức mặt tràn.		Tràn đỉnh rộng
	- Kết cấu		BTCT
	- Chiều dài đập tràn theo đỉnh	m	309,5
	- Cao trình ngưỡng tràn	m	21/24/25
	- Cao trình đỉnh tràn.	m	43,6
	- Chiều cao lớn nhất (kể từ đáy tràn)	m	35,15/23,10/21,10
	- Kích thước thông thủy và số khoang tràn (n x B x H)	m	(2 x 15 x 11)/ (10x15x8)/(6x15x7)
III	Tuyến năng lượng		
1	Kênh dẫn vào		
	- Cao trình điểm đầu đáy kênh	m	21
	- Chiều rộng đáy kênh	m	38,5
	- Chiều dài kênh dẫn	m	120
	- Độ dốc đáy kênh		0, 1:5
2	Cửa lấy nước		
	- Kết cấu CLN		BTCT
	- Cao trình đỉnh	m	43,6
	- Cao trình ngưỡng	m	9,4/12,93
	- Số lỗ cửa	lỗ	3
	- Kích thước thông thủy cửa van sửa chữa (nxBxH)	m	2x11,2x12,6 và 1x6,2x6,94
	- Kích thước thông thủy lưới chắn rác (nxBxH)	m	2x12,2x20,8 và 1x7,2x12,64
	- Chiều rộng cửa lấy nước (theo phương tim đập)	m	37,6
	- Chiều dài CLN	m	15,76
	- Chiều cao lớn nhất	m	37,5
4	Nhà máy thủy điện		
	- Kết cấu chính		BTCT
	- Cao trình đặt turbine tổ máy lớn /nhỏ	m	15,7/16,4
	- Cao trình gian máy	m	25,0

8229
 NG TY
 PHẦN
 Y ĐIỆN
 KHÚC
 JẢNG

TT	Hạng mục	Đơn vị	Thông số
	- Cao trình sàn lắp ráp	m	30,10
	- Cao trình sàn chống lũ	m	43,6
	- Số tổ máy	tổ	3
	- Loại tuốc bin		Hướng trục kiểu Bulb
	- Kích thước NM (dài x rộng x sâu)	m	61,8x61,5x49,0
	- Kích thước cửa van hạ lưu (nxbxh)	m	2x11,0x8,03 và 1x6,0x4,41
5	Kênh xả		
	- Cao độ điểm đầu đáy kênh	m	12,12
	- Độ dốc đáy kênh		1:10, 0
	- Chiều rộng đáy kênh	m	70
	- Chiều dài kênh	m	187
6	Trạm phân phối 110kV kiểu hở		
	- Cấp điện áp	kV	110
	- Cao trình đặt MBA	m	43,6
	- Số máy biến áp trong trạm	m	2
	- Kiểu trạm		Đặt hở



Hà Nội, ngày 15 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án
“Thủy điện Trà Khúc 2”**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Thủy điện Trà Khúc 2” họp ngày 22 tháng 5 năm 2020;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Thủy điện Trà Khúc 2” được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Văn bản số 18/2022/TK2 ngày 25 tháng 3 năm 2022 và Văn bản số 21/2022/TK2 ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Công ty cổ phần thủy điện Trà Khúc 2;

Xét đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Thủy điện Trà Khúc 2” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty cổ phần thủy điện Trà Khúc 2 (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Sơn Thành, Sơn

Giang và Sơn Linh, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần thủy điện Trà Khúc 2;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Công Thương; Bộ NN&PTNT;
- UBND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở TN&MT tỉnh Quảng Ngãi;
- Thanh tra Bộ, TCQLĐĐ, Cục QLTTN;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, TĐ, Hg.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Võ Tuấn Nhân

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
“THỦY ĐIỆN TRÀ KHÚC 2”

(Kèm theo Quyết định số **1565** /QĐ-BTNMT ngày **15** tháng **7** năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Thủy điện Trà Khúc 2.
- Địa điểm thực hiện: Các xã: Sơn Thành, Sơn Giang và Sơn Linh, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi.
- Vị trí địa lý: Tọa độ địa lý công trình tại 15°04'20.00" vĩ độ Bắc, 108°33'55.00" kinh độ Đông.
- Chủ đầu tư: Công ty cổ phần thủy điện Trà Khúc 2.
- Địa chỉ liên hệ: Ngã 3 Hà Thành, xã Sơn Thành, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Dự án “Thủy điện Trà Khúc 2” là công trình thủy điện đường dẫn, cấp II, nhà máy có tổng công suất thiết kế là 30MW, điện lượng trung bình năm là 120,51 triệu kWh.
- Tổng diện tích chiếm đất của dự án là 253,6ha, trong đó diện tích lòng hồ là 220,88ha.
- Các hạng mục, công trình chính của dự án: hồ chứa nước, tuyến đập đầu mối (gồm: đập dâng, đập tràn có van phẳng điều tiết); tuyến năng lượng (gồm: cửa lấy nước, đường ống áp lực, nhà máy thủy điện, kênh xả, trạm phân phối điện 110kV và đường dây truyền tải 110 kV).
- Các hạng mục, công trình phụ trợ: khu phụ trợ; bãi thải; đường giao thông trong và ngoài công trường; điện, nước phục vụ thi công và sinh hoạt của cán bộ, công nhân; thông tin liên lạc....

1.3. Phạm vi của báo cáo đánh giá tác động môi trường này không bao gồm hoạt động khai thác vật liệu xây dựng; vận chuyển máy móc, thiết bị, nguyên, nhiên liệu của bên thứ ba cung cấp.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án

2.1.1. Giai đoạn triển khai xây dựng

- Hoạt động xây dựng dự án phát sinh bụi, khí thải, chất thải rắn xây dựng, chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại, nước thải sinh hoạt, nước thải xây dựng, nước mưa chảy tràn.
- Quá trình phát quang thảm thực vật và quá trình thi công các hạng mục công trình của dự án phát sinh tiếng ồn, độ rung, tác động đến hệ sinh thái và đa dạng sinh học của khu vực như: làm thay đổi địa hình, địa mạo, cảnh quan, thay

đổi môi trường sống của hệ động thực vật tại các vị trí xây dựng của dự án.

2.1.2. Giai đoạn vận hành

- Phát sinh nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, chất thải sinh hoạt, chất thải nguy hại trong quá trình sinh hoạt và vận hành nhà máy của cán bộ, công nhân.

- Tác động của việc tích nước hồ chứa làm thay đổi lưu lượng dòng chảy sông Trà Khúc đoạn hình thành hồ chứa thủy điện Trà Khúc 2 và lưu lượng dòng chảy sông Trà Khúc đoạn phía sau đập đầu mối trong thời gian tích nước.

- Tác động đến chất lượng nước hồ, đặc biệt trong giai đoạn đầu khi hồ chứa tích nước, sinh khối ngập dưới lòng hồ sẽ phân hủy làm gia tăng các chất dinh dưỡng, chất hữu cơ gây hiện tượng phú dưỡng và giảm hàm lượng oxi hòa tan trong nước.

- Quá trình ngăn dòng, tích nước hồ chứa thủy điện Trà Khúc 2 sẽ tác động đến hệ sinh thái ngập nước tại sông Trà Khúc. Phía thượng lưu tuyến đập hình thành hệ thực vật thủy sinh mới phù hợp với điều kiện hồ chứa.

- Tác động do lắng đọng trầm tích lòng hồ: việc đắp đập, ngăn sông tạo thành hồ chứa làm thay đổi cơ bản chế độ thủy văn, thủy lực dòng chảy. Tốc độ dòng chảy khi vào hồ bị giảm đột ngột dẫn đến khả năng mang bùn cát của dòng chảy giảm đáng kể và phần lớn phù sa bị lắng đọng lại trong hồ làm giảm dung tích hoạt động của hồ, giảm hiệu ích của công trình.

- Tác động của việc di chuyển trạm thủy văn Sơn Giang đến vị trí mới.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải

2.2.1. Giai đoạn triển khai xây dựng

- Nước thải sinh hoạt khoảng $34\text{m}^3/\text{ngày}$, thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng (TSS), BOD_5 , COD, tổng Nitơ, tổng Phốt pho, Amoni, dầu mỡ, coliform...

- Nước thải xây dựng phát sinh khoảng $30,4\text{m}^3/\text{ngày}$, gồm:

- + Nước rửa xe vận chuyển vật liệu xây dựng, máy móc và thiết bị khoảng $5,2\text{m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là TSS và dầu mỡ.

- + Nước thải phát sinh từ trạm trộn bê tông khoảng $25,2\text{m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là TSS.

- Nước mưa chảy tràn: Thành phần chủ yếu là TSS, Nitơ, Phốt pho, COD... khi chảy qua khu vực chứa chất thải có thể tăng hàm lượng ô nhiễm cơ học, hữu cơ và dầu mỡ.

2.2.2. Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt khoảng $2,4\text{m}^3/\text{ngày}$. Thành phần chủ yếu là TSS, BOD_5 , COD, tổng Nitơ, tổng Phốt pho, Amoni, dầu mỡ, Coliform...

- Nước thải có chứa dầu phát sinh từ vận hành tua bin phát điện khoảng $2,31-48\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$. Thành phần chủ yếu là dầu mỡ bôi trơn tua bin rò rỉ trong quá trình vận hành.

- Nước mưa chảy tràn: Thành phần chủ yếu là TSS, Nitơ, Phốt pho,

COD... khi chảy qua khu vực chứa chất thải có thể tăng hàm lượng ô nhiễm cơ học, hữu cơ và dầu mỡ.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải

Bụi và khí thải phát sinh chủ yếu trong giai đoạn thi công xây dựng, bao gồm: hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất đá thải, san gạt, đào đắp, nổ mìn hố móng và hầm dẫn nước và hoạt động của các thiết bị sử dụng dầu diezen, trạm trộn bê tông... Thành phần chủ yếu là bụi, SO_2 , NO_x , CO...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.4.1. Giai đoạn triển khai xây dựng

- Đất đá thải phát sinh từ quá trình đào đắp, nổ mìn phá đá, thi công các hạng mục của dự án (khoảng 322.140m³), sinh khối trong quá trình thu dọn lòng hồ (khoảng 2.484,757 tấn). Ngoài ra, dự án cũng phát sinh khoảng 120 tấn chất thải xây dựng với thành phần chủ yếu là cát, đá, bao bì, gỗ, thép... dư thừa và thải loại.

- Chất thải sinh hoạt khoảng 170 kg/ngày phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của khoảng 340 cán bộ, công nhân tham gia thi công. Chất thải sinh hoạt bao gồm các loại bao bì, vỏ chai lọ, hộp đựng thức ăn, thức ăn thừa và các loại rác thải sinh hoạt khác.

2.4.2. Giai đoạn vận hành

Chất thải rắn sinh hoạt khoảng 14 kg/ngày, phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của 28 cán bộ, nhân viên vận hành công trình, bao gồm: thực phẩm, rau quả dư thừa, bọc nilon, giấy, chai lọ,...

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

2.5.1. Giai đoạn triển khai xây dựng

Chất thải nguy hại phát sinh khoảng 119 lít dầu thải/3 tháng và 445,5kg/tháng chất thải nguy hại khác bao gồm giẻ lau dính dầu mỡ, pin - ắc quy thải, bóng đèn cháy, trống mực máy in...

2.5.2. Giai đoạn vận hành

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng máy biến áp có khối lượng khoảng 170 lít dầu thải/năm, ngoài ra còn một lượng chất thải nguy hại không xác định được khối lượng gồm dầu thải, giẻ lau nhiễm dầu, sơn thải, vật dụng chứa sơn, pin-ắc quy hỏng, bóng đèn cháy, trống mực...

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

3.1. Công trình, biện pháp thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Giai đoạn triển khai xây dựng

- Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ tại bể phốt dung tích là 25m³ tại khu phụ trợ, sau đó được tiếp tục xử lý tại bãi lọc ngầm dòng chảy đứng và lọc cát chậm nhằm loại bỏ chất ô nhiễm trước khi thải ra sông Trà Khúc.

- Nước mưa chảy tràn: Xây dựng hệ thống mương, rãnh thoát nước cho từng khu vực công trường để thu gom nước mưa chảy tràn. Tại hệ thống mương và rãnh thoát nước bố trí hố ga để lắng cặn trước khi chảy vào sông Trà Khúc.

Mương được làm bằng đất, hố ga có song chắn rác nhằm giảm rác thô và đất đá do nước mưa kéo theo làm tắc hệ thống. Các hố ga được bố trí cách nhau trung bình 100-200m tùy địa hình khu vực để làm giảm lưu tốc của dòng chảy. Độ dốc mương, rãnh từ 1-3% tùy thuộc vào địa hình.

- Nước thải xây dựng:

+ Nước thải chứa dầu mỡ và các tạp chất, chủ yếu từ khu vực rửa xe, sửa chữa và bảo dưỡng cơ khí: Nước thải xây dựng được thu gom và dẫn vào 01 bể xử lý trước khi sử dụng tuần hoàn hoặc xả vào môi trường. Toàn bộ nước rửa theo độ dốc sàn chảy về bể xử lý 2 ngăn có dung tích ngăn thứ nhất là 5m^3 để bắt dầu mỡ, và ngăn thứ hai có dung tích 2m^3 lắng đất cát, bể được xây dựng bằng gạch vữa xây 220, có đáy bê tông xi măng dày $10 \div 15\text{cm}$. Bể này đặt ngay cạnh máng rửa xe tại khu vực công ra vào công trường. Bố trí công nhân thường xuyên vớt váng dầu và cặn lắng tại các hố ga và tuyến thoát nước trong khu vực đem đi xử lý cùng với các loại chất thải nguy hại.

+ Nước thải từ khu rửa cốt liệu: Tại khu vực phát sinh, dự án bố trí các hố lắng được đào với dung tích $2-3\text{m}^3$. Nước thải thi công sau khi tách loại bùn cặn được xả vào môi trường qua ngăn lọc cát. Bùn đất và cát tại hố lắng, lọc được nạo vét, phơi bùn và vận chuyển xử lý cùng chất thải xây dựng.

3.1.2. Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt sẽ được xử lý qua các bể phốt với tổng thể tích là 24m^3 và sau đó xử lý qua bãi lọc ngầm dòng chảy đứng và lọc cát chậm trước khi thải ra sông Trà Khúc.

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa chảy tràn được thu gom vào rãnh thoát nước để nước chảy vào hố ga lắng cặn (độ dốc đáy rãnh từ 1-3%) và thải xuống sông Trà Khúc. Rãnh thoát nước mưa của dự án là rãnh hở bằng bê tông xi măng với kích thước (rộng x sâu) là $70\text{cm} \times 50\text{cm}$ và bằng đá xây với kích thước (rộng x sâu) là $40\text{cm} \times 50\text{cm}$.

- Nước thải rò rỉ chảy qua tua bin nhiễm dầu được thu gom về bể tách dầu (dung tích 3m^3), sau đó dùng máy bơm (công suất 15kW) hút nước nhiễm dầu đưa về máy lọc dầu (công suất $3\text{m}^3/\text{giờ}$) để xử lý. Nước sau khi được tách dầu chảy về bể chứa có dung tích 5m^3 , sau đó được bơm vào tuyến thoát nước sau tua bin về kênh xả để thoát ra sông Trà Khúc.

3.1.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt đạt QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A, hệ số $K = 1,2$ trước khi thải ra sông Trà Khúc.

- Thu gom, xử lý nước thải từ quá trình xây dựng đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A, hệ số $K_q = 1$ và $K_f = 1,2$ trước khi thải ra sông Trà Khúc.

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

3.2.1. Giai đoạn triển khai xây dựng

Biện pháp xử lý bụi và khí thải chủ yếu thực hiện trong giai đoạn chuẩn bị

và thi công, cụ thể:

- Bố trí máng rửa xe tại vị trí gần khu vực công ra vào công trường để vệ sinh bánh xe và gầm xe trước khi xe ra khỏi công trường. Tưới nước, phun ẩm bề mặt công trường nhằm giảm thiểu ô nhiễm bụi do quá trình đào đắp. Trang bị bảo hộ lao động cho cán bộ, công nhân.

- Đối với trạm trộn bê tông và trạm nghiền sàng:

- + Sử dụng trạm trộn bê tông và trạm nghiền sàng có thiết kế silo lọc bụi bằng cyclon và túi vải, ngoài ra dự án kết hợp với hệ thống phun sương làm giảm lượng bụi phát tán trong môi trường.

- + Sử dụng hệ thống phun sương trên toàn bộ mặt bằng công trường; thường xuyên phun nước trên bề mặt bãi chứa đá nguyên khai tại khu vực nghiền sàng.

3.2.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải sinh hoạt

3.3.1. Giai đoạn triển khai xây dựng

- Đất đá thải và các chất thải có nguồn gốc từ vật liệu xây dựng sẽ được thu gom và đổ thải tại 02 bãi thải có quy mô dung tích chứa lần lượt là 790.000m³ (bãi thải số 1) và 822.000m³ (bãi thải số 2). Chủ dự án áp dụng các biện pháp công trình nhằm ngăn ngừa xói mòn và sạt lở. Các chất thải rắn xây dựng khác như bao bì carton, bao bì ni lon... được thu gom và lưu giữ trên công trường. Chủ dự án thuê đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Chất thải sinh hoạt: Bố trí 30 thùng rác có nắp đậy dung tích từ 20-50 lít để thu gom rác thải sinh hoạt tại công trường. Ngoài ra bố trí 03 xe đẩy rác tại các khu vực thi công để thu gom, tập kết rác thải từ các khu vực về vị trí tập kết. Trong thời gian lưu chứa rác thải chờ vận chuyển xử lý, bổ sung chế phẩm vi sinh ngăn ngừa phát sinh mùi hôi. Chủ dự án thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

3.3.2. Giai đoạn vận hành

Chất thải rắn sinh hoạt chủ yếu phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân vận hành. Chủ dự án bố trí 03 cụm thùng chứa rác ở khu vực nhà máy và 02 cụm thùng chứa rác ở khu vực nhà quản lý điều hành. Chủ dự án thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3.3.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải rắn thông thường và chất thải sinh hoạt trong quá trình triển khai xây dựng và vận hành Dự án đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Phối hợp với chính quyền địa phương xác định vị trí đổ đất, đá thải, phế thải xây dựng, thực bì phát sinh trong quá trình thi công; xây dựng kè chắn hoặc

rọ đá chắn chân bãi thải để phòng chống đất, đá cuốn trôi xuống sông Trà Khúc; đảm bảo việc đổ thải đất, đá, phế thải xây dựng đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật và quản lý bãi thải nhằm phòng chống đất, đá cuốn trôi xuống sông khi gặp mưa lớn và lũ quét; đảm bảo việc đổ thải đất, đá thải đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường; tuân thủ việc đổ thải đất đá tại bãi thải theo đúng thiết kế và quy định pháp luật hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý và xử lý chất thải nguy hại (CTNH)

3.4.1. Giai đoạn triển khai xây dựng

Dự án sẽ bố trí tối đa khoảng 49 thùng chứa chất thải nguy hại có dung tích 50 lít, đồng thời xây dựng kho chứa CTNH tạm thời với diện tích 20m², bố trí phía sau kho chứa vật tư tại công trường. Kho chứa CTNH có mái che bằng tôn, sàn đổ bê tông chống thấm, không trơn trượt và không có khe nứt. Phía trong kho có chứa tiêu lệnh chữa cháy và bình chữa cháy, bên ngoài có gắn biển báo kho CTNH và biển báo nguy hiểm. Chủ dự án thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

3.4.2. Giai đoạn vận hành

Xây dựng kho chứa chất thải nguy hại diện tích 27m² có mái che, ô thoáng gắn biển cảnh báo khu vực chứa chất thải nguy hại đúng quy định. Kho được xây dựng ở phía sau Nhà máy, được chia làm hai ngăn khác nhau để lưu chứa chất thải nguy hại dạng rắn và chất thải nguy hại dạng lỏng; Bố trí 4 thùng chứa chất thải nguy hại với dung tích mỗi thùng là 250 lít để lưu chứa chất thải nguy hại trong kho lưu giữ. Chủ dự án thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

3.4.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải nguy hại trong quá trình triển khai xây dựng và vận hành Dự án bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và tuân thủ các quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

3.5.1. Giai đoạn triển khai xây dựng

- Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung được thực hiện trong giai đoạn triển khai xây dựng, cụ thể:

+ Sử dụng các thiết bị thi công đạt tiêu chuẩn, được đăng kiểm theo quy định; các thiết bị thi công được lắp thiết bị giảm thanh và được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thường xuyên. Đảm bảo các quy định chung về công tác an toàn khi nổ mìn; Áp dụng khoảng cách nổ mìn an toàn tối thiểu đối với người là 300m theo QCVN 02:2008/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong bảo quản, vận chuyển, sử dụng và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp.

+ Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy

chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 02:2008/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong bảo quản, vận chuyển, sử dụng và tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp; các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường hiện hành có liên quan và các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

- Biện pháp giảm thiểu tác động của quá trình phát quang thực vật và thi công xây dựng ảnh hưởng đến hệ sinh thái và đa dạng sinh học tại khu vực dự án: cấm mốc chỉ giới, khoanh vùng khu vực thực hiện Dự án; thực hiện phát quang đúng tiến độ, đúng diện tích trong ranh giới thực hiện Dự án; nghiêm cấm công nhân chặt phá rừng và săn bắt động vật trái phép ngoài khu vực dự án; các loại chất thải phát sinh phải được thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- Biện pháp giảm thiểu tác động đến việc thay đổi địa hình, địa mạo, cảnh quan: khi kết thúc quá trình xây dựng phải thực hiện hoàn nguyên mặt bằng các khu vực chiếm dụng đất tạm thời như khu phụ trợ và bãi thải; tiến hành vệ sinh, dọn dẹp sạch sẽ mặt bằng công trường; đánh giá lại thảm thực vật bị mất hoặc bị ảnh hưởng để lên kế hoạch trồng lại thảm thực vật mới trên các bãi đất trống tại khu vực phụ trợ, khu vực bãi thải và khu nhà ở nhằm tạo cảnh quan.

3.5.2. Giai đoạn vận hành:

- Biện pháp giảm thiểu tác động do thay đổi chế độ dòng chảy của sông Trà Khúc trong quá trình tích nước và vận hành nhà máy thủy điện:

+ Duy trì dòng chảy tối thiểu phía sau tuyến đập: Để đảm bảo dòng chảy đến hồ Thạch Nham đủ cung cấp nước tưới và xả duy trì dòng chảy tối thiểu, lưu lượng dòng chảy duy trì về hạ lưu của thủy điện Trà Khúc 2 là từ 23,8 m³/s đến 67,2 m³/s tùy theo nhu cầu tưới của đập Thạch Nham.

Để giải quyết việc đảm bảo dòng chảy tối thiểu, Dự án thiết kế một tổ máy nhỏ công suất 4MW chạy phát điện liên tục 24h với lưu lượng từ 23,8 m³/s đến 67,2 m³/s tùy theo nhu cầu tưới của đập Thạch Nham. Trong trường hợp tổ máy này sửa chữa, dòng chảy tối thiểu sẽ được chủ đầu tư xả đảm bảo qua cửa van có điều tiết. Ngoài ra, Chủ dự án thực hiện bổ cập nguồn nước cho hạ du khi có yêu cầu thông qua các cửa van điều tiết nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước ở hạ du.

+ Thiết kế, lắp đặt đầy đủ các thiết bị quan trắc công trình đập, hồ chứa, thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng trên lưu vực hồ chứa, thiết bị quan trắc dòng chảy tối thiểu, thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn cho đập, vùng hạ du đập và hạ lưu nhà máy; đảm bảo kinh phí duy trì sự làm việc ổn định, hiệu quả của các thiết bị trong giai đoạn tích nước hồ chứa và khai thác công trình theo đúng quy định hiện hành.

+ Xây dựng quy trình vận hành hồ chứa và liên hồ chứa trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tuân thủ đúng quy trình vận hành hồ chứa được phê duyệt.

- Biện pháp giảm thiểu tác động đến chất lượng nước hồ: thực hiện các biện pháp thu dọn lòng hồ trước khi tích nước; quan trắc nước mặt hồ chứa định kỳ và quản lý chất lượng nguồn nước trong hồ theo đúng quy định.

- Biện pháp giảm thiểu tác động đến hệ sinh thái tại sông Trà Khúc:

+ Phối hợp với cơ quan chức năng địa phương trồng cây phủ xanh đất trống hoặc nơi có cường độ xói mòn lớn.

+ Thả các loài thủy sinh phù hợp với điều kiện địa phương vào hồ chứa nước và đoạn sông sau đập đầu mối nhằm đáp ứng yêu cầu về bảo tồn đa dạng sinh học.

+ Phổ biến thông tin, tuyên truyền và giáo dục để nâng cao nhận thức của cán bộ, công nhân viên về bảo vệ môi trường, ngăn chặn hành vi chặt phá rừng khu vực xung quanh dự án và khai thác tài nguyên quá mức.

- Biện pháp giảm thiểu tác động do lắng đọng trầm tích gây bồi lắng lòng hồ: Chủ dự án thực hiện quan trắc bồi lắng sẽ xác định lượng bồi lắng hàng năm làm cơ sở cho các phương án hạn chế giảm dung tích và tăng tuổi thọ hồ chứa như thu dọn đất, đá sạt lở, mở cửa xả trầm tích đáy hồ, nạo vét đáy hồ định kỳ (khoảng 5 năm).

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

3.6.1. Giai đoạn triển khai xây dựng

- Biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, tai nạn giao thông: Tuân thủ đúng quy định về sử dụng, vận hành các trang thiết bị, máy móc thi công; tuyên truyền các thông tin về vệ sinh, an toàn lao động cho cán bộ, công nhân; khám bệnh định kỳ cho cán bộ, công nhân; lắp hàng rào, biển báo tại khu vực nguy hiểm, bố trí lịch trình vận chuyển vật liệu xây dựng hợp lý.

- Biện pháp phòng ngừa sự cố cháy nổ: Tập huấn công tác phòng chống cháy nổ, tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ rừng, tập huấn phòng cháy chữa cháy cho cán bộ, công nhân; các loại dung môi và nhiên liệu dễ cháy sẽ được lưu trữ và cách ly riêng biệt, tránh xa các nguồn có khả năng phát lửa và tia lửa điện; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ; kho mìn phải được thiết kế theo quy định tại QCVN 01:2019/BCT.

- Biện pháp giảm thiểu thiệt hại do sạt lở, mưa lũ và phòng ngừa lũ lụt, thiên tai: Theo dõi những cảnh báo khí tượng thủy văn của tỉnh về dự báo mưa lũ kịp thời, chính xác; không thi công trong thời gian có mưa lũ; cấm biển báo tại nơi thường xuyên xảy ra các sự cố.

- Biện pháp giảm thiểu tác động do sự cố kỹ thuật: Thi công đề quai đảm bảo theo đúng thiết kế kỹ thuật và các tiêu chuẩn xây dựng hiện hành; đề quai được thi công vào mùa khô để hạn chế việc tác động bởi dòng chảy lớn, tránh thi công vào mùa mưa. Chủ đầu tư sẽ thuê đơn vị tư vấn giám sát để giám sát việc thực hiện của các nhà thầu trong quá trình xây dựng để kịp thời phát hiện sự cố, nhanh chóng di dời phương tiện và con người ra khỏi vùng nguy hiểm, dẫn dòng toàn bộ lưu lượng qua cống dẫn dòng.

3.6.2. Giai đoạn vận hành

- Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu sự cố kẹt cửa van, cửa nhận nước: Bố 3 lưới chắn rác kích thước thông thủy $n \times B \times H = (2 \times 12,2 \times 20,8)m$ cho 2 tổ máy $Q = 417,40 m^3/s$ và $n \times B \times H = (1 \times 7,2 \times 12,64)m$ cho 1 tổ máy $Q = 64,83 m^3/s$ ở phía trước cửa lấy nước. Chất thải thu được từ lưới chắn rác sẽ được thu gom về nơi

tập kết chất thải sinh hoạt để đưa đi xử lý. Chủ dự án bổ sung máy phát điện diesel dự phòng để phục vụ vận hành cửa van, cửa lấy nước trong trường hợp mất điện, đồng thời xây dựng các phương án ứng phó.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ: Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy, bố trí họng nước cứu hỏa và thiết bị chữa cháy đảm bảo chất lượng, thành lập đội PCCC cơ sở và hoạt động theo phương án phòng cháy, chữa cháy được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố, rủi ro vỡ đập, đảm bảo an toàn hồ chứa:

- + Áp dụng tiêu chuẩn thiết kế đập 14TCN 56-88 về độ bền và ổn định đập, đảm bảo an toàn đập theo quy định tại Thông tư 09/2019/TT-BCT ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Bộ Công Thương.

- + Tuân thủ Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước.

- + Thực hiện Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;

- + Thực hiện vận hành hồ chứa và liên hồ chứa theo đúng quy trình vận hành được Bộ Công Thương phê duyệt.

- + Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định hiện hành về việc xả nước, xả lũ và thông tin kịp thời cho vùng hạ du và chia sẻ thông tin xả lũ với các nhà máy thủy điện khác cùng nằm trên lưu vực sông Trà Khúc nhằm đảm bảo an toàn cho người dân địa phương và cho các công trình vùng hạ du; thực hiện quan trắc mực nước hồ, bồi lắng bùn cát và lượng mưa định kỳ.

- + Tổ chức bộ máy quản lý, vận hành, khai thác đảm bảo an toàn và hiệu ích cao nhất của hồ chứa; thực hiện nghiêm các nguyên tắc phòng chống và xử lý sự cố trong vận hành công trình; tiến hành kiểm tra toàn bộ thiết bị, công trình và nhân sự trước mùa lũ hàng năm.

- + Lập các phương án dự báo ngắn hạn về lưu lượng dòng chảy, chất lượng nguồn nước đến hồ trên cơ sở các dự báo chung của cơ quan khí tượng thủy văn quốc gia; tiến hành lập hoặc cập nhật, bổ sung phương án phòng chống lụt bão bảo đảm an toàn đập trình Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt.

- + Phương án ứng phó khi xảy ra sự cố vỡ đập: Đơn vị quản lý vận hành nhà máy thủy điện Trà Khúc 2 quyết định tình huống khẩn cấp nhằm tập trung mọi khả năng, nguồn lực tại chỗ để ứng cứu tính mạng người dân phía hạ du. Đồng thời, thông báo sự cố cho cơ quan chức năng tại địa phương để khắc phục hậu quả kịp thời.

- Đối với việc di chuyển trạm thủy văn Sơn Giang đến vị trí mới: Chủ dự án đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường đồng ý về chủ trương di chuyển trạm thủy văn Sơn Giang tại Văn bản số 826/BTNMT-TCKTTV ngày 18/02/2022. Chủ dự án sẽ phối hợp cùng với Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi trong quá trình khảo sát, lựa chọn vị trí lắp đặt trạm thủy văn Sơn Giang đảm bảo kỹ thuật và đúng quy định của pháp luật hiện hành.

3.6.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, sự cố cháy, nổ và các rủi ro và sự cố môi trường khác trong toàn bộ quá trình hoạt động của Dự án.

- Thực hiện giải pháp phòng ngừa và tổ chức theo dõi, giám sát các hiện tượng biến dạng bề mặt, dịch chuyển, sạt lở đất đá, dịch chuyển bãi thải trong quá trình triển khai xây dựng Dự án. Khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra các hiện tượng mất an toàn, phải dừng ngay các hoạt động thi công, sản xuất, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, tiến hành các hoạt động ứng phó, báo cáo cơ quan chức năng việc thực hiện ứng phó sự cố.

3.7. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Duy trì dòng chảy tối thiểu theo quy định tại Thông tư số 64/2017/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xác định dòng chảy tối thiểu trên sông, suối và hạ lưu các hồ chứa đập dâng; đảm bảo các nhu cầu sử dụng nước tưới tiêu và bảo vệ môi trường sinh thái phía hạ lưu đập.

- Thực hiện giám sát hoạt động khai thác, sử dụng đối với hồ chứa theo quy định tại Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

- Thực hiện việc giám sát quá trình xói lở dọc hai bên bờ sông Trà Khúc phía hạ lưu đập đầu mối trong quá trình xây dựng và vận hành nhà máy và có các giải pháp phù hợp, kịp thời để khắc phục các tác động tiêu cực do sạt lở đất đá hai bên bờ sông.

- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt; lưu giữ số liệu để các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tiến hành kiểm tra khi cần thiết.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án

- 02 bể tự hoại dung tích 5m³.
- 01 hệ thống thu gom và xử lý nước thải nhiễm dầu.
- 01 kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 27m².

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

5.1. Giai đoạn triển khai xây dựng

a) Giám sát nước thải sinh hoạt

- Các thông số: pH, BOD₅, TSS, NH₃, PO₄³⁻, Coliform.
- Tần suất 3 tháng/lần.
- Vị trí: 02 điểm tại vị trí lán trại công nhân.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, hệ số K= 1,2.

b) Giám sát nước mặt

- + Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

+ Vị trí giám sát: 01 vị trí ở thượng lưu cách vị trí xây dựng nhà máy khoảng 500m, 01 vị trí ở hạ lưu cách vị trí xây dựng nhà máy khoảng 500m.

+ Thông số giám sát: pH, DO, TSS, BOD₅, COD, NH₄⁺, NO₃⁻, PO₄³⁻, Fe, Tổng dầu mỡ, Tổng Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (cột A2).

c) Giám sát chất lượng không khí, tiếng ồn

- Các thông số: TSP, L_{Aeq}.

- Tần suất 3 tháng/lần.

- Vị trí: (i) Tại khu vực dự kiến đặt nhà máy phát điện; tại làng Rê, xã Sơn Giang; và tại làng Ghè, xã Sơn Linh.

- QCVN so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

d) Giám sát chất thải rắn

- Chất thải rắn xây dựng

+ Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng, thu gom, vận chuyển, lưu giữ; gia cố bãi thải, hoạt động đổ thải, hiện tượng trượt sạt bãi thải.

+ Vị trí giám sát: Tại công trường thi công và 02 bãi thải.

+ Tần suất giám sát: Hàng ngày.

- Chất thải rắn sinh hoạt

+ Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng, thu gom, lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.

+ Vị trí giám sát: Tại công trường thi công, khu lán trại công nhân.

+ Tần suất: Hàng ngày.

- Chất thải nguy hại

+ Thông số giám sát: Thành phần, khối lượng, thu gom, vận chuyển, lưu giữ.

+ Vị trí giám sát: Tại kho chứa chất thải nguy hại tạm.

+ Tần suất giám sát: Hàng ngày.

- Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5.2. Giai đoạn vận hành

a) Giám sát nước thải sinh hoạt

+ Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

+ Vị trí giám sát: 02 vị trí tại cống thoát nước thải sinh hoạt khu nhà quản lý vận hành nhà máy và cụm công trình đầu mối.

+ Thông số giám sát: pH, BOD₅, TSS, NH₃, PO₄³⁻, Coliform.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, hệ số K= 1,2.

b) Giám sát nước mặt

+ Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- + Vị trí giám sát: 02 vị trí tại khu vực lòng hồ và sau kênh xả nhà máy.
- + Thông số giám sát: pH, DO, TSS, BOD₅, COD, NH₄⁺, NO₃⁻, PO₄³⁻, Fe, Tổng dầu mỡ, Tổng Coliform.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (cột A2).

c) Giám sát khác

- Giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước
- + Thông số giám sát: mực nước hồ, lưu lượng xả qua nhà máy, lưu lượng xả duy trì dòng chảy tối thiểu, lưu lượng xả qua tràn.
- + Tần suất giám sát: không quá 15 phút 1 lần.
- + Quy định chung: Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14/10/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- Thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo sự phù hợp của Dự án với các quy hoạch có liên quan đã được phê duyệt; chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án.

- Đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật hiện hành; chủ động, tích cực phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các giải pháp phục hồi sinh kế, hỗ trợ, ổn định cuộc sống lâu dài cho các hộ dân chịu tác động tiêu cực bởi Dự án. Chỉ được phép triển khai thực hiện Dự án sau khi hoàn thành công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, giao đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện việc di chuyển trạm thủy văn Sơn Giang đến vị trí mới đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật, chuyên môn theo đúng yêu cầu của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Văn bản số 826/BTNMT-TCKTTV ngày 18/02/2022.

- Hợp đồng với đơn vị chức năng tiến hành rà phá bom, mìn, vật nổ trong khu vực Dự án.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đầu tư, xây dựng, các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế các hạng mục công trình của Dự án.

- Thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về xây dựng, thủy lợi, tài nguyên nước, an toàn đập, hồ chứa, bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động, bảo tồn đa dạng sinh học, quản lý đất đai, an toàn điện; phòng, chống thiên tai và các quy phạm kỹ thuật trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành.

- Phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng có liên quan thiết lập chế độ vận hành hồ chứa nhằm đảm bảo nhu cầu sử dụng nước của người dân và bảo vệ môi trường, sinh thái phía hạ lưu đập; xác định ranh giới hành lang bảo vệ hồ chứa ứng với mực nước cao nhất khi có lũ kiểm tra; thông báo về dao động mực nước hồ, lưu lượng xả, dao động mực nước hạ lưu đập ứng với các chế độ vận hành của nhà máy và cảnh báo những vấn đề nguy hiểm để nhân dân biết, phòng tránh thiệt hại.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố; chủ động huy động nhân lực, vật lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ đập và ứng phó với các tình huống thiên tai, xói lở bờ hồ, ngập lụt hạ du; theo dõi, kiểm tra phát hiện sự cố, các hiện tượng mất an toàn, biến dạng bề mặt, dịch chuyển, hư hỏng đập, sạt lở đất đá tại khu vực Dự án và lân cận trong quá trình thi công và vận hành.

- Tuân thủ các quy định về khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước theo yêu cầu của Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành; đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình quan trắc, giám sát môi trường như đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường./.

TRƯA



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **447** /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **19** tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho Công ty Cổ phần thủy điện Trà Khúc 2 thuê đất (đợt 1) để thực hiện dự án Thủy điện Trà Khúc 2; hạng mục: Đập, nhà máy và dẫn dòng thi công bờ phải. Địa điểm: Xã Sơn Nham và xã Sơn Thành, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 12/2024/NĐ-CP ngày 05/02/2024 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất và Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Số 32/2018/NQ-

HĐND ngày 26/12/2018 về việc thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2019 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 29/2020/NQ-HĐND ngày 31/12/2020 về việc thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 18/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 về việc thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 36/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 về việc thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 37/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về việc thông qua danh mục công trình, dự án thu hồi đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 44/QĐ-UBND ngày 21/01/2020 về việc Quyết định chủ trương đầu tư; số 879/QĐ-UBND ngày 10/08/2022 về việc Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án thủy điện Trà Khúc 2; số 326/QĐ-UBND ngày 26/04/2024 về việc Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 65/QĐ-UBND ngày 24/01/2019 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của huyện Sơn Hà; số 892/QĐ-UBND ngày 12/8/2022 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung các công trình, dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Sơn Hà; số 1576/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Sơn Hà; số 1478/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Sơn Hà;

Căn cứ Quyết định số ~~446~~ /QĐ-UBND ngày ~~19~~ /6/2024 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án Thủy điện Trà Khúc 2; hạng mục: Đập, nhà máy và dẫn dòng thi công bờ phải. Địa điểm: Xã Sơn Nham và xã Sơn Thành, huyện Sơn Hà;

Theo đề nghị của Công ty Cổ phần thủy điện Trà Khúc 2 tại Đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất, cho thuê đất ngày 24/5/2024; của UBND xã Sơn Nham tại Tờ trình số 04/TTr-UBND ngày 03/03/2023 và Công văn số 72/UBND ngày 27/5/2024; của UBND xã Sơn Thành tại Tờ trình số 12/TTr-UBND ngày 02/03/2023 và Công văn số 111/CV-UBND ngày 27/5/2024; của UBND huyện Sơn Hà tại Tờ trình số 65/TTr-UBND ngày 12/6/2024 và Công văn số 1541/UBND-TNMT ngày 12/6/2024; đề xuất của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2792/TTr-STNMT ngày 13/6/2024; ý kiến thống nhất của Thành viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho Công ty Cổ phần thủy điện Trà Khúc 2 thuê phần diện tích 215.072,7 m² đất đã được UBND tỉnh chuyển mục đích sử dụng đất tại Quyết định số ~~446~~ /QĐ-UBND ngày ~~19~~ /6/2024 để thực hiện dự án Thủy điện Trà Khúc 2; hạng mục: Đập, nhà máy và dẫn dòng thi công bờ phải, tại xã Sơn Nham và xã Sơn Thành, huyện Sơn Hà, cụ thể:

- Tổng diện tích: 215.072,7 m²; trong đó: Diện tích thuộc xã Sơn Nham là 131.160,9 m²; diện tích thuộc xã Sơn Thành là 83.911,8 m².

- Thời hạn sử dụng đất: Kể từ ngày UBND tỉnh ký Quyết định cho thuê đất đến ngày 21/01/2069 (*ngày hết hạn của Quyết định chủ trương đầu tư số 44/QĐ-UBND ngày 21/01/2020 của UBND tỉnh*).

- Mục đích sử dụng đất: Đất công trình năng lượng.

- Hình thức thuê đất: Trả tiền thuê đất hàng năm.

- Giá đất cho thuê theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Vị trí ranh giới khu đất được xác định theo tờ Bản đồ địa chính khu đất thuộc mảnh bản đồ địa chính cơ sở số 668560 xã Sơn Nham, huyện Sơn Hà do Công ty TNHH Cung ứng dịch vụ trắc địa Bình Tiến thực hiện ngày 20/02/2022, được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 17/01/2023 và tờ Bản đồ địa chính khu đất được trích đo từ tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 11 xã Sơn Thành, huyện Sơn Hà do Công ty Cổ phần đo đạc và xây dựng 168 Quảng Ngãi thực hiện ngày 21/12/2022, được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 18/01/2023; Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh trích lục bản đồ địa chính khu đất để thực hiện dự án (đợt 1) ngày 15/5/2024.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh tổ chức giao đất trên thực địa cho tổ chức được cho thuê đất; lập thông tin địa chính chuyển Cục Thuế tỉnh Quảng Ngãi làm cơ sở ban hành Thông báo đơn giá cho thuê đất đối với Công ty Cổ phần thủy điện Trà Khúc 2; thực hiện việc chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

b) Ký Hợp đồng thuê đất đối với Công ty Cổ phần thủy điện Trà Khúc 2 sau khi có Thông báo đơn giá cho thuê đất của Cục Thuế tỉnh.

c) Thông báo cho Công ty Cổ phần thủy điện Trà Khúc 2 nộp phí và lệ phí theo quy định của pháp luật.

d) Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty Cổ phần thủy điện Trà Khúc 2 sau khi đơn vị đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.

2. Cục Thuế tỉnh chịu trách nhiệm phối hợp với các Sở, ngành liên quan xác định và ban hành Thông báo đơn giá cho thuê đất đối với Công ty Cổ phần thủy điện Trà Khúc 2.

3. UBND huyện Sơn Hà chịu trách nhiệm:

a) UBND huyện Sơn Hà chịu trách nhiệm về nội dung tham mưu, đề xuất UBND tỉnh chuyển mục đích sử dụng đất và cho thuê đất để nhà đầu tư thực hiện dự án; chỉ đạo Phòng chuyên môn của huyện, UBND xã Sơn Nham và UBND xã Sơn Thành phối hợp với Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh xác định ranh giới khu đất trên thực địa, giao đất trên thực địa; UBND xã Sơn Nham và UBND xã Sơn Thành niêm yết Quyết định này tại trụ sở UBND xã.

b) Theo dõi việc quản lý, sử dụng đất của Công ty Cổ phần thủy điện Trà Khúc 2; trường hợp không đưa đất vào sử dụng hoặc tiến độ thực hiện công trình chậm theo quy định tại Điều 64 Luật Đất đai năm 2013 thì UBND huyện Sơn Hà xử lý theo thẩm quyền, trường hợp vượt thẩm quyền thì báo cáo UBND tỉnh xử lý theo đúng quy định pháp luật; chịu trách nhiệm về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất theo đúng quy định tại Điều 53 Luật Đất đai năm 2013.

c) Chỉ đạo Phòng chuyên môn của huyện, UBND xã Sơn Nham và UBND xã Sơn Thành thường xuyên theo dõi việc thực hiện dự án; kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời việc vi phạm về đất đai, môi trường, xây dựng; trường hợp vượt thẩm quyền kịp thời báo cáo để xử lý theo quy định.

4. Công ty Cổ phần thủy điện Trà Khúc 2 chịu trách nhiệm:

a) Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính liên quan đúng quy định hiện hành; trong quá trình sử dụng đất phải thực hiện đúng quy định của Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Phòng cháy và chữa cháy và các quy định pháp luật khác có liên quan.

b) Trong thời hạn 12 tháng liên tục hoặc tiến độ sử dụng đất chậm 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư kể từ khi bàn giao đất trên thực địa, Công ty Cổ phần thủy điện Trà Khúc 2 phải đưa đất vào sử dụng; trường hợp không đưa đất vào sử dụng thì được gia hạn sử dụng 24 tháng, sau 30 ngày thì Công ty phải lập hồ sơ xin gia hạn, trường hợp không lập thủ tục xin gia hạn thì Nhà nước thu hồi đất mà không bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất; hết thời hạn được gia hạn mà Công ty Cổ phần thủy điện Trà Khúc 2 vẫn chưa đưa đất vào sử dụng thì Nhà nước thu hồi đất mà không bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất (*trừ trường hợp do bất khả kháng*).

c) Hết thời hạn thuê đất, đơn vị còn nhu cầu sử dụng thì lập thủ tục để nhà nước xem xét tiếp tục cho thuê. Trường hợp thực hiện quy hoạch, Nhà nước không tiếp tục cho thuê thì phải bàn giao mặt bằng cho Nhà nước theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

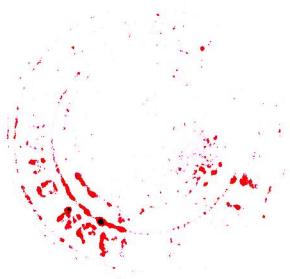
Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Giao thông vận tải, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Sơn Hà; Chủ tịch UBND xã Sơn Nham; Chủ tịch UBND xã Sơn Thành; Giám đốc Công ty Cổ phần thủy điện Trà Khúc 2 và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP;
- Lưu: VT, KTN.Bảo150



Trần Phước Hiền





**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **420** /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **19** tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cho Công ty Cổ phần thủy điện Trà Khúc 2 thuê đất (đợt 2)
để thực hiện dự án: Thủy điện Trà Khúc 2; hạng mục: (1) Vai đập
bờ phải, (2) Một phần lòng hồ tại xã Sơn Nham
và xã Sơn Thành, huyện Sơn Hà**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18/01/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai số 31/2024/QH15, Luật nhà ở số 27/2023/QH15, Luật kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 116, Điều 120, khoản 1 Điều 121, khoản 2 Điều 122, khoản 1 Điều 124, khoản 10 Điều 255 Luật Đất đai năm 2024 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 43/2024/QH15); Điều 44, khoản 3 Điều 49 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 4548/QĐ-BCT ngày 07/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc phê duyệt vào Quy hoạch thủy điện nhỏ tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Số 32/2018/NQ-HĐND ngày 26/12/2018 về việc thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2019 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 29/2020/NQ-HĐND ngày 31/12/2020 về việc thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 18/2022/NQ-HĐND ngày 07/7/2022 về việc thông qua danh mục bổ sung công trình, dự án phải thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 36/2022/NQ-HĐND ngày 07/12/2022 về việc thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất và danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm

2023 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 37/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 về việc thông qua danh mục công trình, dự án thu hồi đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 13/2025/NQ-HĐND ngày 02/4/2025 về việc thông qua danh mục công trình, dự án thu hồi đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; số 14/2025/NQ-HĐND ngày 02/4/2025 về việc thông qua danh mục công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất sang mục đích khác năm 2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 44/QĐ-UBND ngày 21/01/2020 về việc Quyết định chủ trương đầu tư; số 879/QĐ-UBND ngày 10/08/2022 về việc Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án thủy điện Trà Khúc 2; số 326/QĐ-UBND ngày 26/04/2024 về việc Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 837/QĐ-UBND ngày 15/9/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Sơn Hà; Quyết định số 261/QĐ-UBND ngày 25/4/2025 của UBND tỉnh về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất huyện Sơn Hà;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh: Số 65/QĐ-UBND ngày 24/01/2019 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của huyện Sơn Hà; số 892/QĐ-UBND ngày 12/8/2022 về việc phê duyệt điều chỉnh, bổ sung các công trình, dự án vào Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Sơn Hà; số 1576/QĐ-UBND ngày 31/12/2022 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện Sơn Hà; số 1478/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Sơn Hà và số 275/QĐ-UBND ngày 28/4/2025 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Sơn Hà;

Căn cứ Quyết định số ~~419~~⁴¹⁹/QĐ-UBND ngày ~~19~~¹⁹/6/2025 của UBND tỉnh về việc chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án: Thủy điện Trà Khúc 2; hạng mục: (1) Vai đập bờ phải, (2) Một phần lòng hồ tại xã Sơn Nham và xã Sơn Thành, huyện Sơn Hà;

Theo đề nghị của Giám đốc Công ty Cổ phần thủy điện Trà Khúc 2 tại Đơn xin chuyển mục đích sử dụng đất, Đơn xin thuê đất đề ngày 16/5/2025; đề nghị của UBND xã Sơn Nham tại Tờ trình số 88/TTr-UBND ngày 08/5/2025, của xã Sơn Thành tại Tờ trình số 41/TTr-UBND ngày 08/5/2025; của UBND huyện Sơn Hà tại Tờ trình số 76/TTr-UBND ngày 15/5/2025 và Công văn số 1419/UBND-NNMT ngày 26/5/2025; đề xuất của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 3827/TTr-SNNMT ngày 16/6/2025; ý kiến thống nhất của Thành viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho Công ty Cổ phần thủy điện Trà Khúc 2 (địa chỉ: Ngã 3 Hà Thành, xã Sơn Thành, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi) thuê phần diện tích 62.004,6 m² đất đã được UBND tỉnh chuyển mục đích sử dụng đất tại Quyết định số ~~419~~/QĐ-UBND ngày ~~19~~/6/2025 và phần diện tích 298,9 m² đất bằng chưa sử dụng (BCS) tại xã Sơn Thành, huyện Sơn Hà đưa vào sử dụng với mục đích đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng (mã loại đất DNL) để thực hiện dự án Thủy điện Trà Khúc 2; hạng mục: (1) Vai đập bờ phải, (2) Một phần lòng hồ, tại xã Sơn Nham và xã Sơn Thành, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

1. Tổng diện tích: 62.303,5 m² (Sáu mươi hai nghìn, ba trăm lẻ ba phẩy năm mét vuông).

2. Mục đích sử dụng đất: Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng (mã loại đất DNL).

3. Thời hạn sử dụng đất: Kể từ ngày UBND tỉnh ký Quyết định cho thuê đất đến ngày 21/01/2069 (ngày hết hạn của Quyết định chủ trương đầu tư số 44/QĐ-UBND ngày 21/01/2020 của UBND tỉnh).

4. Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo 02 tờ Trích lục bản đồ địa chính khu đất thuộc xã Sơn Nham và xã Sơn Thành, huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi lập, ký duyệt ngày 12/5/2025 (trích lục từ tờ bản đồ địa chính khu đất được Sở Nông nghiệp và Môi trường thẩm định ngày 17/01/2023 và ngày 18/01/2023).

5. Hình thức cho thuê đất: Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm.

6. Phương thức cho thuê đất theo kết quả: Nhà nước cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất (theo quy định tại Điều 124 Luật Đất đai năm 2024).

7. Miễn tiền thuê đất: Miễn tiền thuê trong thời gian xây dựng cơ bản kể từ ngày UBND tỉnh ban hành Quyết định này đến hết ngày 30/9/2025; miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian thuê sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản kể từ ngày 01/10/2025 đến ngày 21/01/2069 (theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 157 Luật Đất đai năm 2024; khoản 2, điểm e khoản 3 Điều 39 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường:

- Ký Hợp đồng thuê đất và tham mưu trình UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với Công ty Cổ phần thủy điện Trà Khúc 2 sau khi đơn vị đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính

theo quy định;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức xác định mốc giới, bàn giao đất trên thực địa; trao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho Công ty Cổ phần thủy điện Trà Khúc 2; Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh thực hiện cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu đất đai, hồ sơ địa chính theo quy định;

- Thông báo cho các cơ quan có liên quan để thực hiện kiểm tra, thanh tra, kiểm toán theo chức năng nhiệm vụ được giao tại khoản 2 Điều 44 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ;

- Chuyển thông tin cho cơ quan Thuế để phối hợp tính, thu, nộp số tiền thuê đất phải nộp (không được miễn) trong trường hợp Công ty Cổ phần thủy điện Trà Khúc 2 không đáp ứng điều kiện để được miễn tiền thuê đất theo quy định.

2. Giao Sở Tài chính:

- Theo dõi tình hình triển khai thực hiện dự án theo tiến độ đầu tư tại các Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư của UBND tỉnh; trường hợp nhà đầu tư thực hiện chậm tiến độ dự án đầu tư theo các quyết định nêu trên thì Sở Tài chính phải xử lý đúng quy định của Luật Đầu tư và trường hợp chấm dứt chủ trương đầu tư dự án thì báo cáo UBND tỉnh để xem xét thu hồi đất theo đúng quy định pháp luật về đất đai.

- Chịu trách nhiệm liên quan về ký quỹ đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư và năng lực tài chính để thực hiện dự án theo tiến độ của dự án đầu tư và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Chi cục Thuế khu vực XII: Căn cứ hồ sơ hoàn công của Dự án, kiểm tra, rà soát, xác định việc đáp ứng các điều kiện về ưu đãi miễn tiền thuê đất theo quy định đối với trường hợp được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản.

4. Giao các Sở: Công Thương, Tài chính, Xây dựng; Chi cục Thuế khu vực XII và UBND huyện Sơn Hà phối hợp: Theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện miễn tiền thuê đất; xử lý trong trường hợp phát hiện Công ty Cổ phần thủy điện Trà Khúc 2 vi phạm các quy định được miễn tiền thuê đất theo quy định.

5. UBND huyện Sơn Hà

- Chỉ đạo UBND xã Sơn Nham và UBND xã Sơn Thành niêm yết Quyết định này tại trụ sở UBND xã; thường xuyên kiểm tra, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời việc vi phạm pháp luật về đất đai; trường hợp vượt thẩm quyền kịp thời báo cáo để xử lý theo quy định.

- Theo dõi việc quản lý, sử dụng đất của Công ty Cổ phần thủy điện Trà Khúc 2; trường hợp không đưa đất vào sử dụng hoặc tiến độ thực hiện dự án chậm theo quy định tại Điều 81 Luật Đất đai năm 2024 thì UBND huyện Sơn

Hà xử lý theo thẩm quyền, trường hợp vượt thẩm quyền thì báo cáo UBND tỉnh xử lý theo đúng quy định pháp luật; chịu trách nhiệm về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất theo đúng quy định.

- Chỉ đạo Phòng chuyên môn của huyện, UBND xã Sơn Nham và UBND xã Sơn Thành phối hợp với Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh xác định mốc giới trên thực địa, chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

- Chủ động phối hợp với Công ty Cổ phần thủy điện Trà Khúc 2 xem xét, xử lý theo thẩm quyền đối với các vùng bán ngập ở vùng thượng lưu và xác định vùng phụ cận của tuyến đập, tránh khiếu nại của người dân trong quá trình vận hành dự án.

6. Công ty Cổ phần thủy điện Trà Khúc 2 chịu trách nhiệm:

- Thực hiện đầy đủ các nội dung theo Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư của UBND tỉnh; sử dụng đất đúng mục đích, ranh giới khu đất được bàn giao;

- Phối hợp với UBND huyện Sơn Hà để thực hiện bồi thường, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất đối với diện tích còn lại của Dự án và lập hồ sơ xin thuê đất theo quy định;

- Sau khi hoàn thành việc đầu tư xây dựng công trình, gửi hồ sơ hoàn công của Dự án về Chi cục Thuế khu vực XII để kiểm tra, rà soát, xác định việc đáp ứng các điều kiện về ưu đãi miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản theo quy định.

- Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính liên quan theo đúng quy định hiện hành; trong quá trình sử dụng đất phải thực hiện đúng các quy định của Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Phòng cháy và chữa cháy và quy định pháp luật có liên quan; chịu trách nhiệm và cam kết không vi phạm pháp luật đất đai trên địa bàn cả nước.

- Trong thời hạn 12 tháng liên tục kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa hoặc tiến độ sử dụng đất chậm 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư, Công ty Cổ phần thủy điện Trà Khúc 2 phải đưa đất vào sử dụng; trường hợp không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư thì Công ty Cổ phần thủy điện Trà Khúc 2 được gia hạn sử dụng không quá 24 tháng và phải nộp bổ sung cho Nhà nước khoản tiền tương ứng với mức tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với thời gian được gia hạn; hết thời hạn được gia hạn mà Công ty Cổ phần thủy điện Trà Khúc 2 vẫn chưa đưa đất vào sử dụng thì Nhà nước thu hồi đất mà không bồi thường về đất, tài sản gắn liền với đất và chi phí đầu tư vào đất còn lại (*trừ trường hợp bất khả kháng*).

- Trước khi hết thời hạn sử dụng đất 06 tháng, đơn vị còn nhu cầu gia hạn sử dụng đất thì nộp hồ sơ đề nghị gia hạn; trường hợp quá thời hạn phải nộp hồ sơ đề nghị gia hạn mà đơn vị không nộp hồ sơ đề nghị gia hạn thì không được gia hạn sử dụng đất, trừ trường hợp bất khả kháng. Trường hợp

không được gia hạn sử dụng đất, đơn vị có trách nhiệm xử lý tài sản gắn liền với đất để hoàn trả mặt bằng cho Nhà nước. Quá thời hạn 24 tháng kể từ thời điểm hết thời hạn sử dụng đất mà đơn vị không xử lý tài sản thì Nhà nước thu hồi đất mà không bồi thường về đất và tài sản gắn liền với đất; trường hợp phải phá dỡ, chủ sở hữu tài sản phải chịu chi phí phá dỡ.

Điều 3. Cơ quan, người có thẩm quyền giải quyết thủ tục cho thuê đất chỉ chịu trách nhiệm về nội dung thực hiện tại Điều 1 Quyết định này và không chịu trách nhiệm về những nội dung khác đã được cơ quan, người có thẩm quyền: Quyết định, phê duyệt hoặc giải quyết trước đó.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính, Xây dựng, Công Thương; Chi cục trưởng Chi cục Thuế khu vực XII; Chủ tịch UBND huyện Sơn Hà, Chủ tịch UBND xã Sơn Nham, Chủ tịch UBND xã Sơn Thành, Giám đốc Công ty Cổ phần thủy điện Trà Khúc 2 và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, TTHC;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu VT, KTN.th516

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Phước Hiền